

**Phụ lục**  
**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI THUỘC**  
**THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TƯ PHÁP TỈNH TÂY NINH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**PHẦN I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| STT      | Tên TTHC   | Lĩnh vực      | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung   |
|----------|--|---------------|---|
| <b>I</b> | <b>Cấp tỉnh</b>  |               |   |
| 1        | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.<br>(1.003976)   | Nuôi con nuôi | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghị định số 98/2022/NĐ- CP ngày 29 tháng 11 năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;</li><li>- Thông tư số 11/2021/TT- BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</li><li>- <i>Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</i></li></ul> |
| 2        | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi.<br>(1.004878) | Con nuôi      | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghị định số 98/2022/NĐ- CP ngày 29 tháng 11 năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;</li><li>- Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</li><li>- <i>Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ</i></li></ul>                              |

|           |   |               |  |
|-----------|---|---------------|--|
|           |   |               | <i>nuôi con nuôi.</i>  |
| 3         | <p>Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.</p> <p>(1.003179)</p>   | Nuôi con nuôi | <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</p> <p>- <i>Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</i></p>   |
| 4         | <p>Giải quyết người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.</p> <p>(1.003160)</p>   | Nuôi con nuôi | <p>- Nghị định số 98/2022/NĐ- CP ngày 29 tháng 11 năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 11/2021/TT- BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- <i>Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</i></p> |
| 5         | <p>Thủ tục cấp Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi.</p> <p>(2.002349)</p> | Nuôi con nuôi | <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</p> <p>- <i>Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</i></p>   |
| <b>II</b> | <b>Cấp huyện</b>  |               |  |

|            |  |               |   |
|------------|--|---------------|---|
| 1          | <p>Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.<br/>(2.002363.000.00.00.H53)</p> | Nuôi con nuôi | <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ- CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT- BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT- BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- <i>Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT- BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</i></p> |
| <b>III</b> | <b>Cấp xã</b>  |               |   |
| 1          | <p>Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.<br/>(2.001263.000.00.00.H53)</p>   | Nuôi con nuôi | <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</p> <p>- <i>Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ</i></p>  |

|   |  |               |  |
|---|--|---------------|--|
|   |  |               | <i>sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</i>   |
| 2 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước.<br>(2.001255.000.00.00.H53)   | Nuôi con nuôi | <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</p> <p>- <i>Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</i></p> |
| 3 | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.<br>(1.003005.000.00.00.H53) | Nuôi con nuôi | <p>Nghị định số 104/2022/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT- BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>          |

**PHẦN II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

|                               |   |   |                         |
|-------------------------------|---|---|-------------------------|
| <b>Quy trình 01:</b>          | <b>Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng (Mã TTHC: 1.003976, trực tuyến một phần)</b>   |   |                         |
| <b>1. Trình tự thực hiện:</b> | <p>- Cơ sở nuôi dưỡng đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi, lập hồ sơ trẻ em, xin ý kiến cơ quan chủ quản (là cơ quan trực tiếp quản lý cơ sở nuôi dưỡng, tùy từng trường hợp, cơ quan chủ quản có thể là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hội chữ thập đỏ, Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi...). Cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em và gửi theo một trong số các phương thức sau:</p> <p>+ Nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại <b>1900561563</b> để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.</p> <p>- Ngoài 02 hình thức trên, tổ chức có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p><b>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</b></p> <p><b>+ Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</b></p> <p><b>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:</b> Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).</p> |   |                         |
|                               | <b>Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:</b>  |   |                         |
|                               | <b>STT</b>  | <b>Nội dung công việc</b>                                   | <b>Trách nhiệm</b>      |
| <b>Bước 1</b>                 | <b>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</b>   |   |                         |
|                               | <p>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được gửi trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp và hồ sơ sẽ</p>  | <p>Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p> | <p>01 ngày làm việc</p> |

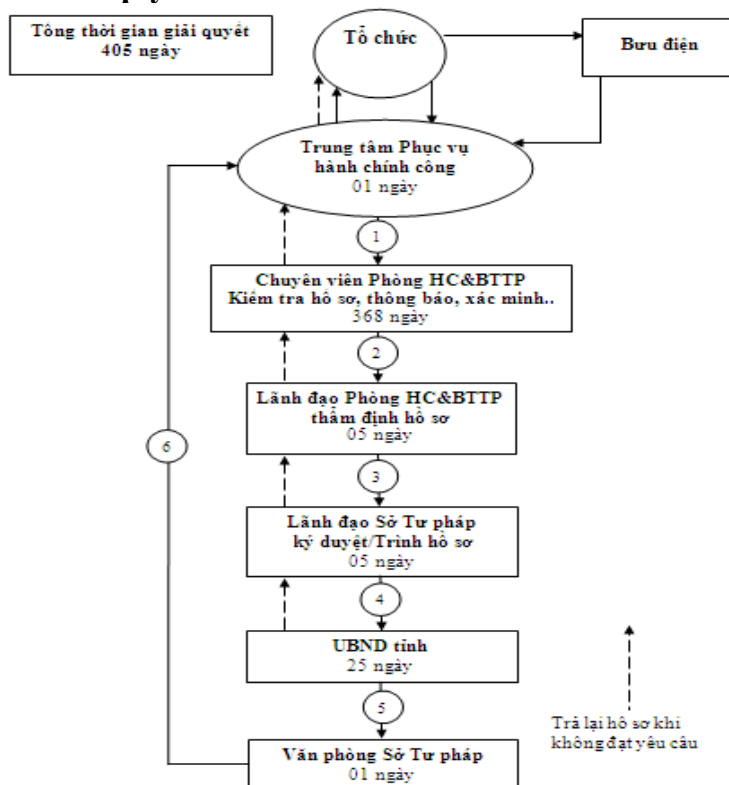
|               |  |  |  |  |
|---------------|--|--|--|--|
|               |  | được nhân viên bưu điện chuyển cho Sở Tư pháp thẩm định, giải quyết. |  |  |
| <b>Bước 2</b> | <b>Sở Tư pháp</b>  |  |  |  |
|               | Kiểm tra hồ sơ, soạn thảo Công văn đề nghị Công an tỉnh xác minh nguồn gốc của trẻ trình lãnh đạo  | Chuyên viên Phòng HCTP&BT TP   | 03 ngày  |  |
|               | Xem xét hồ sơ và trình văn bản xác minh cho lãnh đạo Sở  | Lãnh đạo Phòng HCTP&BT TP  | 01 ngày  |  |
|               | Ký văn bản xác minh  | Lãnh đạo Sở  | 01 ngày  |  |
|               | Tiến hành xác minh nguồn gốc trẻ   | Công an tỉnh   | 30 ngày  |  |
|               | Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em). | Sở Tư pháp và UBND cấp xã  | 60 ngày  |  |
|               | - xin ý kiến lãnh đạo lấy ý kiến của cha mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi; nếu cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì lấy ý kiến người còn lại; nếu cả cha mẹ đẻ đều đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải lấy ý kiến của người giám hộ; trường hợp nhận trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì lấy ý kiến của trẻ em đó và lấy ý kiến Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng.                                       | Chuyên viên Phòng HCTP&BT TP   | 05 ngày + 30 ngày những người có liên quan thay đổi ý kiến |  |
|               | Thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi   | Công thông tin điện tử của Sở Tư pháp và công thông tin điện tử      | 120 ngày   |  |

|  |  |   |                              |   |
|--|--|---|------------------------------|---|
|  |  |   | của Bộ Tư pháp               |   |
|  |  | Soạn thảo văn bản xác nhận đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài báo cáo Bộ Tư pháp  | Chuyên viên Phòng HCTP&BT TP | 02 ngày   |
|  |  | Xem xét trình lãnh đạo Sở Văn bản xác nhận trẻ đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài   | Lãnh đạo Phòng HCTP&BT TP    | 01 ngày   |
|  |  | Ký văn bản xác nhận trẻ đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài  | Lãnh đạo Sở                  | 01 ngày   |
|  |  | Soạn thảo văn bản giới thiệu trẻ em gửi cho các cơ quan có liên quan lấy ý kiến <i>(khi nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi do Vụ Con nuôi chuyên đến)</i> và báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em <i>(trường hợp được nhận đích danh làm con nuôi không qua bước này)</i> | Chuyên viên Phòng HCTP&BT TP | 26 ngày<br>(kể cả thời gian các cơ quan có liên quan có ý kiến) |
|  |  | Xem xét văn bản lấy ý kiến giới thiệu trẻ em và báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em <i>(trường hợp được nhận đích danh làm con nuôi không qua bước này)</i>   | Lãnh đạo Phòng HCTP&BT TP    | 02 ngày   |
|  |  | Ký văn bản lấy ý kiến giới thiệu trẻ em và báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em cho UBND tỉnh <i>(trường hợp được nhận đích danh làm con nuôi không qua bước này)</i>  | Lãnh đạo Sở                  | 02 ngày   |
|  |  | Có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi <i>(trường hợp được nhận đích danh làm con nuôi không qua bước này)</i>   | UBND tỉnh                    | 10 ngày   |
|  |  | Soạn thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ký Quyết định khi nhận được Thông báo của Vụ Con nuôi về sự đồng ý của người nhận làm con nuôi.   | Chuyên viên Phòng HCTP&BT TP | 02 ngày   |
|  |  | - Xem xét hồ sơ và trình lãnh đạo Sở Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ký Quyết định. Nếu không đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở Tờ trình và văn bản UBND tỉnh từ chối đề trình UBND tỉnh.  | Lãnh đạo Phòng HCTP&BT TP    | 01 ngày   |
|  |  | Lãnh đạo Sở ký Văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh.  | Lãnh đạo Sở                  | 01 ngày   |
|  |  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh</b>   |                              |   |
|  |  | Quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi; trường hợp từ chối thì trả lời cho người nhận con nuôi bằng văn bản và nêu rõ lý do.   | Ủy ban nhân dân tỉnh         | 15 ngày   |

|                   |   | <b>Sở Tư pháp</b> |   |
|-------------------|---|-------------------|---|
| <b>Bước<br/>3</b> | <p>- Tiếp nhận Quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi từ UBND tỉnh, tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, tổ chức lễ giao nhận con nuôi với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, người được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ cơ sở nuôi dưỡng hoặc cha mẹ đẻ, người giám hộ đối với người được xin nhận làm con nuôi từ gia đình và gửi quyết định cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi không đến nhận con nuôi mà không có lý do chính đáng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hủy quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi.</p> <p>- Trường hợp từ chối thì Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận văn bản từ Sở Tư pháp và trả kết quả cho người dân</p> | Sở Tư pháp        | <p>01 ngày + 60 ngày; nếu người nhận con nuôi có lý do chính đáng 90 ngày người nhận con nuôi phải có mặt tại Việt Nam để nhận con nuôi</p> |
|                   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh  |                   |   |

\* Lưu ý: Trong trường hợp cá nhân không gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích, thời hạn giải quyết được tính vào ngày làm việc của Sở Tư pháp.

**\* Sơ đồ quy trình**





|  |   |
|--|---|
| <p><b>2. Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>- <b>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</b> Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (bao gồm bưu điện: tỉnh, huyện, xã) hoặc nộp trực tuyến.</p> <p>Nhận kết quả trực tiếp</p> <p>- <b>Hồ sơ của người nhận con nuôi:</b></p> <p>Nếu người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam thì nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông qua tổ chức con nuôi của nước đó được cấp phép hoạt động tại Việt Nam; nếu nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông qua Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của nước đó tại Việt Nam.</p> <p>Đối với trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài được nhận con nuôi đích danh, nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi). Trường hợp có lý do chính đáng mà không thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi), người nhận con nuôi ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) hoặc gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) qua đường bưu điện theo hình thức gửi bảo đảm.</p> |
| <p><b>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ:</b></p> <p><b>* Hồ sơ của người nhận con nuôi gồm có:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt - Anh);</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;</li> <li>- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe;</li> <li>- Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Vụ Con nuôi (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm).</li> </ul> <p>Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:</p>                                       |

|                                       |  |
|---------------------------------------|--|
|                                       | <p>*) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.</p> <p>*) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam về chứng thực chữ ký.</p> <p><b>* Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng;</li> <li>- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định nhưng không thành đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu.</li> <li>- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.</li> </ul> <p><b>* Số lượng hồ sơ:</b></p> <p><b>Số lượng hồ sơ người nhận con nuôi nộp cho Vụ Con nuôi:</b></p> <p>Hồ sơ của người nhận con nuôi: 02 bộ.</p> <p>Hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi: 03 bộ hồ sơ nộp cho Sở Tư pháp và 01 bản chụp bộ hồ sơ khi nộp hồ sơ người nhận con nuôi tại Vụ Con nuôi (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam ít nhất là 01 năm nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi).</p> |
| <p><b>4. Thời hạn giải quyết:</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp : 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến <i>những người liên quan</i>: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> <li>- Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi : 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</li> </ul>  |

|  |   |
|--|---|
|  | <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i> kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</li> <li>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không đồng ý.</li> </ul> <p><i>Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i> kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</li> <li>- Thời gian <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i> thông báo cho Sở Tư pháp : 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</li> <li>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> <li>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</li> </ul> |
| <p><b>5. Đối tượng thực hiện TTHC:</b></p> | <p>Văn phòng con nuôi nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp hồ sơ của người nhận con nuôi, lệ phí và chi phí (nếu có) khi thực hiện thủ tục hành chính. Cơ sở nuôi dưỡng trẻ em nộp hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi.</p>  |
| <p><b>6. Cơ quan thực hiện TTHC:</b></p>   | <p>- <b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> UBND cấp tỉnh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.</p>  |

|   |  |
|---|--|
|   | <p>- <b>Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC:</b> Vụ Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Tư pháp.</p> <p>- <b>Cơ quan phối hợp:</b> Cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng (tùy từng trường hợp, cơ quan chủ quản có thể là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hội chữ thập đỏ, Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi...); Cơ quan công an cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha mẹ đẻ của trẻ em cư trú cuối cùng đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin của cha mẹ đẻ nhưng không liên hệ được.</p>  |
| <b>7. Kết quả thực hiện TTHC:</b>             | <p>- <b>Mã tài liệu:</b> KQ.G15.000004</p> <p>- <b>Tên kết quả:</b> Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài</p>  |
| <b>8. Phí, lệ phí:</b>                        | <p>- Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.</p> <p>Trường hợp người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài thì nộp lệ phí, chi phí thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài.</p> <p>- Mức thu lệ phí và chi phí:</p> <p>+) Lệ phí : 9.000.000 (<i>chín triệu</i>) đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p> <p>+) Chi phí: 50.000.000 (<i>năm mươi triệu</i>) đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được <i>miễn chi phí</i>.</p> <p>- Thời điểm nộp lệ phí và chi phí:</p> <p>+) Đối với lệ phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i> tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>+) Đối với chi phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi người nhận con nuôi đồng ý với kết quả giới thiệu trẻ em.</p> |
| <b>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b>           | <p>- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (<i>sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt-Anh</i>);</p> <p>- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi.</p>  |
| <b>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b> | <p>Luật Nuôi con nuôi :</p> <p>- <b>Người nhận con nuôi có đủ các điều kiện sau:</b></p> <p>+) Đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú;</p>   |

|  |  |
|--|--|
|  | <p>+) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</li> <li>ii) Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;</li> <li>iii) Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;</li> <li>iv) Có tư cách đạo đức tốt;</li> <li>v) Không thuộc một trong các trường hợp không được nhận con nuôi sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;</li> <li>+) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;</li> <li>+) Đang chấp hành hình phạt tù;</li> <li>+) Chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>- Người được nhận làm con nuôi có đủ điều kiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+) Dưới 16 tuổi;</li> <li>+) Là trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng;</li> <li>+) Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.</li> </ul> |
| <p><b>11. Căn cứ pháp lý của TTHC:</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</li> <li>- <i>Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;</i></li> <li>Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</li> <li>- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con</li> </ul>         |

|                          |  |
|--------------------------|--|
|                          | <p>nuôi nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- <i>Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</i></li> </ul> <p>Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> |
| <b>* Ghi chú:</b>        |  |
| Thành phần hồ sơ lưu     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ TTHC quy định;</li> <li>- Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc.</li> </ul>  |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp, thời gian lưu 1 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Sở, lưu trữ theo quy định hiện hành.  |
| <i>Kết quả</i>           | - <i>Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Sở Tư pháp.</i>   |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Ông),  
kích cỡ 4x6 cm  
*Prospective  
adoptive father's  
photo,  
4 x 6 cm*

***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***  
***Independence-Freedom-Happiness***

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Bà),  
kích cỡ 4x6 cm  
*Prospective  
adoptive  
mother's photo,  
4 x 6 cm*

**ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM**  
**LÀM CON NUÔI NƯỚC NGOÀI**

*(Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng)*

***APPLICATION FOR INTERCOUNTRY ADOPTION OF A VIETNAMESE CHILD***

*(Used for adoption of a child living in an institution)*

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

*To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam*

**1. Phần khai về người nhận con nuôi/*Information of prospective adoptive parent(s)***

| <b>Thông tin/Information</b>                       | <b>Ông/Mr</b> | <b>Bà/Ms</b> |
|--|---------------|--------------|
| Họ, chữ đệm, tên / <i>Full name</i>                |               |              |
| Ngày, tháng, năm sinh/ <i>Date of birth</i>        |               |              |
| Quốc tịch/ <i>Nationality</i>                      |               |              |
| Hộ chiếu/ <i>Passport</i> <sup>1</sup>             |               |              |
| Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>                     |               |              |
| Nơi cư trú/ <i>Place of residence</i>              |               |              |
| Điện thoại/ thư điện tử/ <i>Phone number/email</i> |               |              |

<sup>1</sup> Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

*Specify number, issuing authority and date of issuance. For example: Passport No. 1089123, issued by the Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation of Italia, on 2/2/2015.*

## 2. **Nguyện vọng về trẻ em được nhận làm con nuôi/Desire for adopting a child with**

Độ tuổi/Age: .....

Giới tính/Sex: .....

Tình trạng sức khỏe/Health status: .....

Các đặc điểm khác (nếu có)/other characteristics (if any): .....

.....  
 .....

## 3. **Phần cam đoan/Declaration**

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

*We/I hereby certify that the above statements are true and the application for adoption is voluntary, for the purpose of establishing a long-term, sustainable parent-child relationship in the best interest of the child. We/I commit to take care, nurture and educate the child as we/I do for our/my biological child, and fulfill all parental obligations towards the child in accordance with the law. We/I commit, every 6 months for a period of 03 years as of the date of handover of the adopted child, to send reports on the development of the child (with photos) to the Ministry of Justice and the Representative Mission of Vietnam in the country where we/I permanently reside.*

*We/I would like to submit to Ministry of Justice for consideration and approval of the application.*

Làm tại ....., ngày..... tháng ..... năm.....

Done in....., on day.....month.....year.....

**ÔNG /Mr**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)  
 (Signature, full name)

**BÀ/Ms**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)  
 (Signature, full name)



**VĂN BẢN**  
**VỀ ĐẶC ĐIỂM, SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM ĐƯỢC**  
**NHẬN LÀM CON NUÔI**

**I. THÔNG TIN VỀ TRẺ EM**

1. Họ, chữ đệm, tên: ..... Nam  Nữ
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Nơi cư trú: .....
- .....
4. Hoàn cảnh gia đình:
- Bị bỏ rơi
- Mồ côi cả cha và mẹ
- Hoàn cảnh đặc biệt khác (nêu rõ): .....

**II. ĐẶC ĐIỂM VỀ THỂ CHẤT, PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG, TÂM LÝ**

**1. Tiền sử cá nhân (sinh thường/sinh non, tuần sinh, cân nặng lúc sinh, có mắc bệnh gì lúc sinh không):** .....

.....

.....

**2. Tiền sử gia đình (cha, mẹ đẻ có mắc bệnh tâm thần, truyền nhiễm hoặc các bệnh hiểm nghèo khác không):** .....

.....

.....

**3. Phát triển thể chất, tâm thần vận động:**

Chiều cao ..... Cân nặng .....

Sức khỏe hiện tại:

- Bình thường
- Khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo

Nếu bị khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì nêu rõ:

Loại khuyết tật, bệnh hiểm nghèo: .....

.....

Có đang được điều trị không?

- Không
- Có

Nếu “có”, nêu thuốc đang dùng và cách điều trị: .....

.....

**4. Khả năng vận động, tương tác, ngôn ngữ:**

**Vận động** (nêu rõ khả năng trườn, bò, đi, đứng, ngồi, cầm nắm đồ vật... của trẻ em nhỏ tuổi, độ tuổi của trẻ em khi đạt được những khả năng đó): .....

.....

**Tương tác** (nêu rõ khả năng tiếp xúc của trẻ em với những trẻ khác, cô trông trẻ, người lạ; dễ tiếp xúc hay khó gần; khả năng chú ý, tập trung của trẻ em, thích/không thích được ẵm bế, an ủi,

sợ tiếng động lớn; có thái độ hay lo âu, cáu giận không... Trẻ em trên 05 tuổi thích xem phim/đọc truyện/chơi thể thao...): .....

.....

.....

**Ngôn ngữ** (Tập nói, biết nói vài từ, câu đầy đủ chưa, phát âm dễ dàng hay khó khăn, ngôn ngữ cử chỉ đối với trẻ em khiếm thính. Đối với trẻ em trên 05 tuổi cần đánh giá khả năng diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc của trẻ, khả năng đọc, viết chính tả, đọc truyện thành lời, nói lắp hay không, nói, viết có rõ nghĩa không...):

.....

.....

.....

**Trẻ em có gặp vấn đề gì đặc biệt không?**

.....

.....

.....

**Trẻ em có đang phải trị liệu vấn đề gì không?**

Không

Có

Nếu “có”, đề nghị nêu rõ việc trị liệu (ngôn ngữ, vận động...): .....

.....

.....

### III. SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM:

**1. Sở thích** (Nêu sở thích nổi bật của trẻ em về ăn uống, vui chơi, âm nhạc, vận động...):

.....

.....

.....

**2. Thói quen đáng lưu ý của trẻ em** (thói quen về ăn uống, loại thức ăn bị dị ứng; thói quen về sinh hoạt, giờ giấc (tư thế ngủ, ngủ có đèn hay tắt đèn, đồ vật cầm khi ngủ; trẻ em trên 05 tuổi có thói quen nào đặc biệt nhất trong sinh hoạt, học tập và giao tiếp):

.....

.....

.....

Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....

**Xác nhận của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng<sup>2</sup>**

**Người lập báo cáo<sup>3</sup>**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

<sup>2</sup> Chỉ thực hiện đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

<sup>3</sup> Đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì nhân viên của cơ sở nuôi dưỡng lập báo cáo, đối với trẻ em thuộc diện cháu ruột thì cha/mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em lập báo cáo.

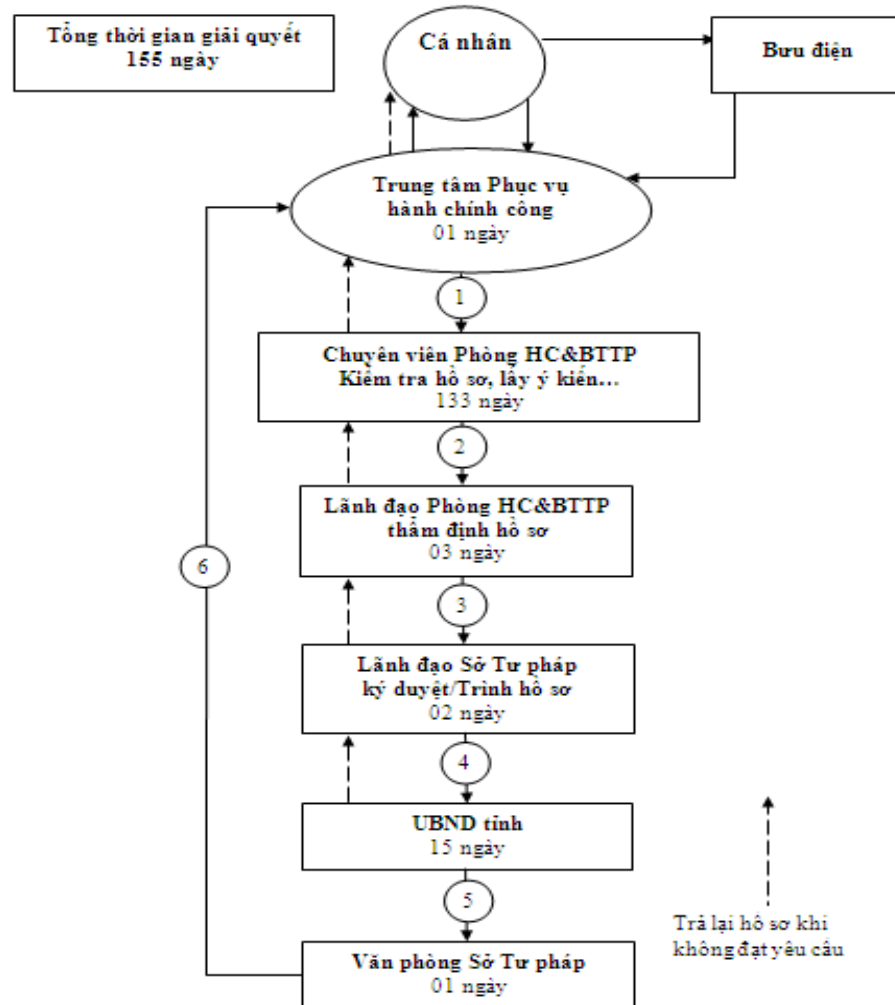
|                               |   |   |  |                           |
|-------------------------------|---|---|--|---------------------------|
| <b>Quy trình 02:</b>          | <b>Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi.</b> (Mã TTHC: 1.004878; trực tuyến một phần)  |   |  |                           |
| <b>1. Trình tự thực hiện:</b> | <p>- Cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người được nhận làm con nuôi có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ của người được nhận làm con nuôi nộp theo một trong số các phương thức sau:</p> <p>+ Nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại <b>1900561563</b> để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.</p> <p>- Ngoài 02 hình thức trên có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Công hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p><b>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:</b> Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).</p> |   |  |                           |
|                               | <b>Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:</b>  |   |  |                           |
|                               | <b>STT</b>  | <b>Nội dung công việc</b>                                   | <b>Trách nhiệm</b>   | <b>Thời gian 155 ngày</b> |
| <b>Bước 1</b>                 | <b>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</b>   |   |  |                           |
|                               | <p>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp và hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho Sở Tư pháp thẩm định, giải quyết.</p>   | <p>Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p> | <p>01 ngày làm việc</p>                                    |                           |
| <b>Bước 2</b>                 | <p>- Kiểm tra hồ sơ, xin ý kiến lãnh đạo lấy ý kiến của cha mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi; nếu cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì lấy ý kiến người còn lại; nếu cả cha mẹ đẻ đều đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi</p>  | <p>Chuyên viên Phòng HC&amp;BTT P</p>                       | <p>13 ngày + 30 ngày những người có liên quan có quyền</p> |                           |

|  |  |                        |
|--|--|------------------------|
|  | <p>dân sự hoặc không xác định được thì phải lấy ý kiến của người giám hộ; trường hợp nhận trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì lấy ý kiến của trẻ em đó.</p> <p>(Phải có hồ sơ của người nhận con nuôi do Vụ Con nuôi gửi)</p> <p><u>Lưu ý:</u></p> <p>+ Công chức kiểm tra hồ sơ. Khi kiểm tra hồ sơ, công chức phải nghiên cứu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của những người liên quan. Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha mẹ đẻ, thì công chức kiểm tra việc cha mẹ đẻ có thỏa thuận với cha mẹ nuôi để giữ lại quyền, nghĩa vụ đối với con và cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó sau khi đã cho làm con nuôi.</p> <p>+ Công chức lấy ý kiến của những người có liên quan:</p> <p>Khi lấy ý kiến của những người liên quan, công chức phải:</p> <p>i) Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình;</p> <p>ii) Tư vấn đầy đủ cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác;</p> <p>iii) Giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi.</p> <p>- Khi xét thấy người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện theo quy định thì soạn thảo văn bản xác nhận trẻ đủ điều kiện cho làm con nuôi và Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký</p> | <p>thay đổi ý kiến</p> |
|--|--|------------------------|

|               |  |  |  |
|---------------|--|--|--|
|               | Quyết định. Nếu không đủ điều kiện thì soạn thảo Tờ trình và văn bản từ chối đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh.  |  |  |
|               | - Xem xét hồ sơ và văn bản lấy ý kiến nếu xét thấy người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện theo quy định thì trình lãnh đạo ký văn bản xác nhận trẻ đủ điều kiện cho làm con nuôi và Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ký Quyết định. Nếu không đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở Tờ trình và văn bản UBND tỉnh từ chối đề trình UBND tỉnh.   | Lãnh đạo Phòng HC&BTT P                                  | 03 ngày  |
|               | Lãnh đạo Sở ký văn bản lấy ý kiến, văn bản xác nhận trẻ đủ điều kiện cho làm con nuôi và Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh.  | Lãnh đạo Sở  | 02 ngày  |
|               | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh</b>  |  |  |
|               | Quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi; trường hợp từ chối thì trả lời cho người nhận con nuôi bằng văn bản và nêu rõ lý do.  | Ủy ban nhân dân tỉnh                                     | 15 ngày  |
|               | <b>Sở Tư pháp</b>  |  |  |
| <b>Bước 3</b> | Tiếp nhận Quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi từ UBND tỉnh, tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, tổ chức lễ giao nhận con nuôi với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, người được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ cơ sở nuôi dưỡng hoặc cha mẹ đẻ, người giám hộ đối với người được xin nhận làm con nuôi từ gia đình và gửi quyết định cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi không đến nhận con nuôi mà không có lý do chính đáng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hủy quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi.<br>- Trường hợp từ chối thì Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận văn bản từ Sở Tư pháp và trả kết quả cho người dân | Sở Tư pháp<br><br>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 01 ngày + 60 hoặc 90 ngày người nhận con nuôi có mặt tại Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi |

\* Lưu ý: Trong trường hợp cá nhân không gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích, thời hạn giải quyết được tính vào ngày làm việc của Sở Tư pháp.

**\* Sơ đồ quy trình**



**2. Cách thức thực hiện:**

- **Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:** Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (bao gồm bưu điện: tỉnh, huyện, xã) hoặc nộp trực tuyến.

Nhận kết quả trực tiếp.

- **Hồ sơ của người nhận con nuôi:** nộp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông qua các hình thức: nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi); ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) hoặc nộp qua đường bưu điện theo hình thức bảo đảm cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi).

\* Lưu ý: Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi khi nộp hồ sơ của người được nhận làm con nuôi tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính

|  |   |
|--|---|
|  | <p><i>phủ.</i></p> <p><i>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nộp hồ sơ nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú của người được nhận làm con nuôi, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</i></p>   |
| <p><b>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p><b>Hồ sơ của người nhận con nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột, song ngữ Việt-Anh);</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;</li> <li>- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;</li> <li>- Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe;</li> <li>- Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha dượng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi.</li> <li>+ Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.</li> </ul> </li> </ul> <p>Lưu ý Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>*) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.</li> <li>*) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được <i>công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</i></li> </ul> <p><b>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối</li> </ul> |

|                                       |  |
|---------------------------------------|--|
|                                       | <p>với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>Văn bản lấy ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi của cha mẹ đẻ, người giám hộ và của trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài.</li> <li>- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).</li> <li>- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó : Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ:</p> <p>Hồ sơ của người nhận con nuôi: 02 bộ.</p> <p>Hồ sơ của <i>người được nhận làm con nuôi</i>: 03 bộ nộp cho Sở Tư pháp và 01 bản chụp bộ hồ sơ khi nộp hồ sơ của người nhận con nuôi tại <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i>.</p>   |
| <p><b>4. Thời hạn giải quyết:</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến <i>những người liên quan</i>, xác nhận <i>người được nhận làm con nuôi</i> đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> <li>- Đối với trường hợp <i>việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước chưa là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam</i>: Thời gian <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i> kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp : 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</li> <li>- Đối với trường hợp <i>việc nuôi con nuôi có liên quan tới những nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam</i>: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời gian <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i> kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</li> <li>+ Thời gian <i>Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</i> thông báo cho Sở Tư pháp : 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận <i>người được nhận làm con nuôi được nhập cảnh và thường trú tại nước đó</i>.</li> </ul> </li> </ul> |



|                                     |   |
|-------------------------------------|---|
|                                     | <p>Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>   |
| <b>5. Đối tượng thực hiện TTHC:</b> | <p>- Người nhận con nuôi thường trú ở nước ngoài là cha dượng/mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ lập hồ sơ của người được nhận làm con nuôi.</p>   |
| <b>6. Cơ quan thực hiện TTHC:</b>   | <p>- <b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> UBND cấp tỉnh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: <b>Sở Tư pháp; Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi)</b></p>   |
| <b>7. Kết quả thực hiện TTHC:</b>   | <p>- <b>Mã tài liệu:</b> KQ.G15.000004</p> <p>- <b>Tên kết quả:</b> Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài</p>   |
| <b>8. Phí, lệ phí:</b>              | <p>- Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.</p> <p>- Mức thu lệ phí:</p> <p>+ Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</p> <p>+ Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi : được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 (chín triệu) đồng/trường hợp).</p> <p>- Mức thu chi phí: Không quy định.</p> <p>- Thời điểm nộp lệ phí: Nộp sau khi Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> |
| <b>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b> | <p>- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột, song ngữ Việt-Anh) (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dân trên Cổng dịch vụ công, nếu TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến và người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p> <p>Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm</p>                       |

|  |  |
|--|--|
|  | con nuôi).   |
| <p><b>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b></p> | <p>Luật Nuôi con nuôi</p> <p>- <b>Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:</b></p> <p>+) Đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú.</p> <p>+) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật nuôi con nuôi, gồm:</p> <p>i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</p> <p>ii) Có tư cách đạo đức tốt;</p> <p>iii) Không thuộc một trong các trường hợp không được nhận con nuôi sau đây:</p> <p>+) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;</p> <p>+) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;</p> <p>+) Đang chấp hành hình phạt tù;</p> <p>+) Chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.</p> <p>Theo khoản 3 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, thủ tục này không áp dụng các điều kiện: người nhận con nuôi hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên và có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi.</p> <p>- <b>Người được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau đây:</b></p> <p>+) Là người dưới 18 tuổi;</p> <p>+) Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.</p> |
| <p><b>11. Căn cứ pháp lý của TTHC:</b></p>           | <p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- <i>Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;</i></p> <p>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ</i></p>  |

|                          |   |
|--------------------------|---|
|                          | <p><i>sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- <i>Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</i></p> |
| <b>* Ghi chú:</b>        |   |
| Thành phần hồ sơ lưu     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ TTHC quy định;</li> <li>- Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc.</li> </ul>   |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng Hành chính tư pháp, và Bộ trợ tư pháp, thời gian lưu 1 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Sở, lưu trữ theo quy định hiện hành.  |
| <b>Kết quả</b>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.</i></li> <li>- <i>Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Sở Tư pháp.</i></li> </ul>   |

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Ông),  
kích cỡ 4x6 cm  
*Prospective  
adoptive father's  
photo,  
4 x 6 cm*

## **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence-Freedom-Happiness***

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Bà),  
kích cỡ 4x6 cm  
*Prospective  
adoptive father's  
photo,  
4 x 6 cm*

### **ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM LÀM CON NUÔI NƯỚC NGOÀI**

*(Sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột)*

### ***APPLICATION FOR INTERCOUNTRY ADOPTION OF A VIETNAMESE CHILD***

*(Used for adoption of a step-child or biological niece/nephew)*

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

*To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam*

#### **1. Phần khai về người nhận con nuôi/*Information of prospective adoptive parent(s)***

| <b>Thông tin/Information</b>                       | <b>Ông/Mr</b> | <b>Bà/Ms</b> |
|--|---------------|--------------|
| Họ, chữ đệm, tên / <i>Full name</i>                |               |              |
| Ngày, tháng, năm sinh/ <i>Date of birth</i>        |               |              |
| Quốc tịch/ <i>Nationality</i>                      |               |              |
| Hộ chiếu/ <i>Passport<sup>4</sup></i>              |               |              |
| Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>                     |               |              |
| Nơi cư trú/ <i>Place of residence</i>              |               |              |
| Điện thoại/ thư điện tử/ <i>Phone number/email</i> |               |              |

#### **2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi/*Information of the child to be adopted***

<sup>4</sup> Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

*Specify number, issuing authority and date of issuance. For example: Passport No. 1089123, issued by the Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation of Italia, on 2/2/2015.*

Họ, chữ đệm, tên/*Full name*: ..... Giới tính/*Sex*:.....

Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*:..... Quốc tịch/*Nationality*: .....

Số định danh cá nhân/*Personal identity number*:  
.....

Nơi sinh/*Place of birth*:  
.....

Nơi cư trú/*Place of residence*:  
.....

**Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà/*currently living with Mr/Ms*:**

Họ, chữ đệm, tên/*Full name*: .....

Nơi cư trú/*Place of residence*:  
.....

Điện thoại/thư điện tử/*Phone number/email*: .....

**3. Phần cam đoan/*Declaration***

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

*We/I hereby certify that the above statements are true and the application for adoption is voluntary, for the purpose of establishing a long-term, sustainable parent-child relationship in the best interest of the child. We/I commit to take care, nurture and educate the child as we/I do for our/my biological child, and fulfill all parental obligations towards the child in accordance with the law. We/I commit, every 6 months for a period of 03 years as of the date of handover of the adopted child, to send reports on the development of the child (with photos) to the Ministry of Justice and the Representative Mission of Vietnam in the country where we/I permanently reside.*

*We/I would like to submit to Ministry of Justice for consideration and approval of the application.*

Làm tại ....., ngày..... tháng ..... năm.....

Done in....., on day.....month.....year.....

**ÔNG /Mr**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)  
(Signature, full name)

**BÀ/Ms**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)  
(Signature, full name)

**NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ  
YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHA DƯỠNG, MẸ  
KÉ NHẬN CON RIÊNG CỦA VỢ HOẶC CHỒNG; CÔ, CẬU, DÌ, CHỦ,  
BÁC RUỘT NHẬN CHÁU LÀM CON NUÔI**

**I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)**

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Hộ chiếu;
- (5) Nơi cư trú;
- (6) Điện thoại/thư điện tử;

**II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)**

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Hộ chiếu;
- (11) Nơi cư trú;
- (12) Điện thoại/thư điện tử;

**III. Thông tin về người được nhận làm con nuôi**

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Giới tính;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

\* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

\* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

\* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (bản chính) trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

**VĂN BẢN**  
**VỀ ĐẶC ĐIỂM, SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM ĐƯỢC**  
**NHẬN LÀM CON NUÔI**

**I. THÔNG TIN VỀ TRẺ EM**

1. Họ, chữ đệm, tên: ..... Nam  Nữ
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Nơi cư trú: .....
- .....
4. Hoàn cảnh gia đình:
- Bị bỏ rơi
- Mồ côi cả cha và mẹ
- Hoàn cảnh đặc biệt khác (nêu rõ): .....

**II. ĐẶC ĐIỂM VỀ THỂ CHẤT, PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG, TÂM LÝ**

**1. Tiền sử cá nhân (sinh thường/sinh non, tuần sinh, cân nặng lúc sinh, có mắc bệnh gì lúc sinh không):** .....

.....

.....

**2. Tiền sử gia đình (cha, mẹ đẻ có mắc bệnh tâm thần, truyền nhiễm hoặc các bệnh hiểm nghèo khác không):** .....

.....

.....

**3. Phát triển thể chất, tâm thần vận động:**

Chiều cao ..... Cân nặng .....

Sức khỏe hiện tại:

- Bình thường
- Khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo

Nếu bị khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì nêu rõ:

Loại khuyết tật, bệnh hiểm nghèo: .....

.....

Có đang được điều trị không?

- Không
- Có

Nếu “có”, nêu thuốc đang dùng và cách điều trị: .....

.....

**4. Khả năng vận động, tương tác, ngôn ngữ:**

**Vận động** (nêu rõ khả năng trườn, bò, đi, đứng, ngồi, cầm nắm đồ vật... của trẻ em nhỏ tuổi, độ tuổi của trẻ em khi đạt được những khả năng đó): .....

.....

**Tương tác** (nêu rõ khả năng tiếp xúc của trẻ em với những trẻ khác, cô trông trẻ, người lạ; dễ tiếp xúc hay khó gần; khả năng chú ý, tập trung của trẻ em, thích/không thích được ẵm bế, an ủi,

sợ tiếng động lớn; có thái độ hay lo âu, cáu giận không... Trẻ em trên 05 tuổi thích xem phim/đọc truyện/chơi thể thao...): .....

.....

.....

**Ngôn ngữ** (Tập nói, biết nói vài từ, câu đầy đủ chưa, phát âm dễ dàng hay khó khăn, ngôn ngữ cử chỉ đối với trẻ em khiếm thính. Đối với trẻ em trên 05 tuổi cần đánh giá khả năng diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc của trẻ, khả năng đọc, viết chính tả, đọc truyện thành lời, nói lắp hay không, nói, viết có rõ nghĩa không...):

.....

.....

.....

**Trẻ em có gặp vấn đề gì đặc biệt không?**

.....

.....

.....

**Trẻ em có đang phải trị liệu vấn đề gì không?**

Không

Có

Nếu “có”, đề nghị nêu rõ việc trị liệu (ngôn ngữ, vận động...): .....

.....

.....

### III. SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM:

**1. Sở thích** (Nêu sở thích nổi bật của trẻ em về ăn uống, vui chơi, âm nhạc, vận động...):

.....

.....

**2. Thói quen đáng lưu ý của trẻ em** (thói quen về ăn uống, loại thức ăn bị dị ứng; thói quen về sinh hoạt, giờ giấc (tư thế ngủ, ngủ có đèn hay tắt đèn, đồ vật cầm khi ngủ; trẻ em trên 05 tuổi có thói quen nào đặc biệt nhất trong sinh hoạt, học tập và giao tiếp):

.....

.....

.....

Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....

**Xác nhận của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng<sup>5</sup>**

**Người lập báo cáo<sup>6</sup>**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

<sup>5</sup> Chỉ thực hiện đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

<sup>6</sup> Đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì nhân viên của cơ sở nuôi dưỡng lập báo cáo, đối với trẻ em thuộc diện cháu ruột thì cha/mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em lập báo cáo.

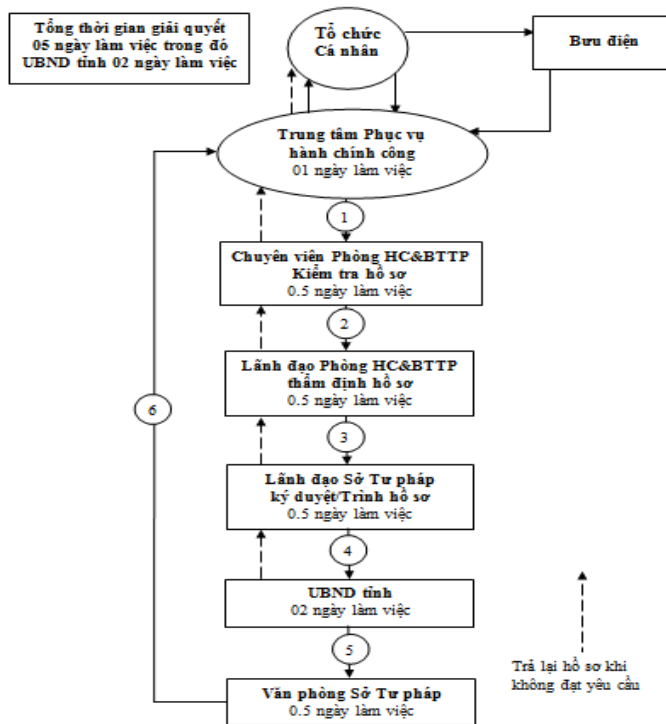


|                               |  |   |                          |
|-------------------------------|--|---|--------------------------|
| <b>Quy trình 03:</b>          | <b>Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.</b><br>(Mã TTHC: 1.003179; trực tuyến một phần)  |   |                          |
| <b>1. Trình tự thực hiện:</b> | <p>- Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp theo một trong số các phương thức sau:</p> <p>+ Nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại <b>1900561563</b> để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.</p> <p>- Ngoài 02 hình thức trên, tổ chức có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p><b>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:</b> Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).</p> |   |                          |
|                               | <b>Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:</b>   |   |                          |
|                               | <b>STT</b>   | <b>Nội dung công việc</b>                                   | <b>Trách nhiệm</b>       |
| <b>Bước 1</b>                 | <b>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</b>  |   |                          |
|                               | <p>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp và hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho Sở Tư pháp thẩm định, giải quyết.</p>  | <p>Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p> | <p>0,5 ngày làm việc</p> |
| <b>Bước 2</b>                 | <b>Sở Tư pháp</b>  |   |                          |
|                               | <p>- Kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ, soạn thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình lãnh đạo Phòng.</p>  | <p>Chuyên viên Phòng HCTP&amp;BT TP</p>                     | <p>0,5 ngày làm việc</p> |

|                             |   |  |                   |
|-----------------------------|---|--|-------------------|
|                             | - Xem xét hồ sơ và văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình lãnh đạo Sở   | Lãnh đạo Phòng HCTP&BT TP                            | 0,5 ngày làm việc |
|                             | Lãnh đạo Sở xem xét, ký văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh  | Lãnh đạo Sở  | 0,5 ngày làm việc |
| <b>Ủy ban nhân dân tỉnh</b> |   |  |                   |
|                             | Tiếp nhận văn bản từ Sở Tư pháp, xem xét và ký Quyết định công nhận.  | UBND tỉnh  | 02 ngày làm việc  |
| <b>Sở Tư pháp</b>           |   |  |                   |
|                             | Sau khi có kết quả từ UBND tỉnh, công chức của Sở Tư pháp tiếp nhận kết quả và chuyển cho nhân viên bưu điện để nhân viên bưu điện chuyển cho Trung tâm | Công chức Sở Tư pháp                                 | 0,5 ngày làm việc |
| <b>Bước 3</b>               | <b>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</b>   |  |                   |
|                             | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ   | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày          |

\* Lưu ý: Trong trường hợp cá nhân không gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích, thời hạn giải quyết được tính vào ngày làm việc của Sở Tư pháp

**\* Sơ đồ quy trình**



|  |   |
|--|---|
| <p><b>2. Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (bao gồm bưu điện: tỉnh, huyện, xã) hoặc nộp trực tuyến.</p> <p>Nhận kết quả trực tiếp.</p> <p><i>* Lưu ý:</i></p> <p><i>Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của cha mẹ nuôi và con nuôi khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</i></p> <p><i>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nộp hồ sơ nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</i></p> |
| <p><b>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng)</p> <p>b) Số lượng hồ sơ : 01 bộ.</p>  |
| <p><b>4. Thời hạn giải quyết:</b></p>        | <p>5 ngày làm việc</p>  |
| <p><b>5. Đối tượng thực hiện TTHC:</b></p>   | <p>Cá nhân người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi.</p>   |
| <p><b>6. Cơ quan thực hiện TTHC:</b></p>     | <p>- Cơ quan trực tiếp nhận hồ sơ: Sở Tư pháp nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND tỉnh nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây.</p>  |
| <p><b>7. Kết quả thực hiện TTHC:</b></p>     | <p>- Mã tài liệu: KQ.G15.000004</p> <p>- Tên kết quả: Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài</p>   |
| <p><b>8. Phí, lệ phí:</b></p>                | <p>Không có.</p>  |
| <p><b>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b></p>   | <p>Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi.</p>  |

|  |  |
|--|--|
| <p><b>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b></p> | <p>Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nhưng Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;</li> <li>- Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.</li> </ul>  |
| <p><b>11. Căn cứ pháp lý của TTHC:</b></p>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</li> </ul> |
| <p><b>* Ghi chú:</b></p>                             |  |
| <p>Thành phần hồ sơ lưu</p>                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định;</li> <li>- Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính;</li> <li>- Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc.</li> </ul>   |
| <p>Thời gian lưu và nơi lưu</p>                      | <p>Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp, thời gian lưu 1 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Sở, lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>   |
| <p>Kết quả</p>                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.</i></li> <li>- <i>Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Sở Tư pháp.</i></li> </ul>  |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI**

Kính gửi<sup>7</sup>:.....

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:.....

Nơi cư trú:.....

.....

Giấy tờ tùy thân<sup>8</sup>:.....

Đề nghị đăng ký lại việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:

**Họ, chữ đệm, tên:** ..... **Giới tính:**.....

**Ngày, tháng, năm sinh:** ..... **Quốc tịch:** .....

**Nơi sinh:** .....

**Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân<sup>2</sup>:** .....

**Nơi cư trú:**.....

.....

**Số định danh cá nhân:**.....

**Là con nuôi của:**

**Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:** .....

**Ngày, tháng, năm sinh:** ..... **Quốc tịch:** .....

**Giấy tờ tùy thân<sup>2</sup>:** .....

**Nơi cư trú:**.....

.....

**Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:**

**Ngày, tháng, năm sinh:** ..... **Quốc tịch:** .....

**Giấy tờ tùy thân<sup>2</sup>:** .....

**Nơi cư trú:**.....

.....

<sup>7</sup> Ghi rõ tên cơ quan thực hiện đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

<sup>8</sup> Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó (ví dụ: chứng minh nhân dân số 00108912345 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014).

.....  
 Đã đăng ký nuôi con nuôi tại<sup>9</sup>: .....

.....  
 Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số..... ngày ..... tháng ..... năm.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đầy đủ các giấy tờ hiện có. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

Làm tại ....., ngày .....tháng.....năm.....

**Người yêu cầu**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

**Xác nhận của người làm chứng thứ nhất**

Tôi tên là.....sinh năm .....

Giấy tờ tùy thân<sup>(2)</sup>: .....

.....

Cư trú tại:.....

.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

Làm tại:....., ngày.....tháng..... năm.....  
 (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

**Xác nhận của người làm chứng thứ hai**

Tôi tên là.....sinh năm .....

Giấy tờ tùy thân<sup>(2)</sup>: .....

.....

Cư trú tại: .....

.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

Làm tại:....., ngày.....tháng..... năm.....  
 (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

|                          |  |
|--------------------------|--|
| <b>Quy trình<br/>04:</b> | <b>Giải quyết người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.</b> (Mã TTHC: 1.003160; trực tuyến một phần) |
|--------------------------|--|

<sup>9</sup> Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước; ghi tên Sở Tư pháp nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

|                               |  |   |   |   |
|-------------------------------|--|---|---|---|
| <b>1. Trình tự thực hiện:</b> | <p>- Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp theo một trong số các phương thức sau:</p> <p>+ Nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại <b>1900561563</b> để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.</p> <p>- Ngoài 02 hình thức trên, tổ chức có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p><b>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:</b> Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).</p> |   |   |   |
|                               | <b>Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:</b>   |   |   |   |
|                               | <b>STT</b>   | <b>Nội dung công việc</b>                                   | <b>Trách nhiệm</b>  | <b>Thời gian<br/>50 ngày<br/>làm việc</b> |
|                               | <b>Bước 1</b>  | <b>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</b>               |   |   |
| <b>Bước 1</b>                 | <p>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp và hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho Sở Tư pháp thẩm định, giải quyết.</p>  | <p>Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p> | <p>0,5 ngày làm việc</p>  |   |
| <b>Bước 2</b>                 | <b>Sở Tư pháp</b>  |   |   |   |
| <b>Bước 2</b>                 | <p>- Kiểm tra hồ sơ, xin ý kiến lãnh đạo lấy ý kiến của cha mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi; nếu cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì lấy ý kiến người còn lại; nếu cả cha mẹ đẻ đều đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được</p>   | <p>Chuyên viên Phòng HCTP&amp;B TTP</p>                     | <p>15 ngày làm việc + 15 ngày làm việc để những người có liên quan có quyền</p> |   |

|  |  |  |
|--|--|--|
|  | <p>thì phải lấy ý kiến của người giám hộ; trường hợp nhận trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì lấy ý kiến của trẻ em đó.</p> <p><u>Lưu ý:</u></p> <p>+ Công chức kiểm tra hồ sơ. Khi kiểm tra hồ sơ, công chức phải nghiên cứu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của những người liên quan. Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha mẹ đẻ, thì công chức kiểm tra việc cha mẹ đẻ có thỏa thuận với cha mẹ nuôi để giữ lại quyền, nghĩa vụ đối với con và cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó sau khi đã cho làm con nuôi.</p> <p>+ Công chức lấy ý kiến của những người có liên quan:</p> <p>Khi lấy ý kiến của những người liên quan, công chức phải:</p> <p>i) Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình;</p> <p>ii) Tư vấn đầy đủ cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác;</p> <p>iii) Giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi.</p> <p>- Khi xét thấy người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện theo quy định thì soạn thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định. Nếu không đủ điều kiện thì soạn</p> | <p>thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi</p> |
|--|--|--|



|               |   |                           |                   |
|---------------|---|---------------------------|-------------------|
|               | thảo Tờ trình và văn bản từ chối đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh.   |                           |                   |
|               | - Xem xét hồ sơ và văn bản lấy ý kiến nếu xét thấy người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện theo quy định thì trình lãnh đạo Sở Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ký Quyết định. Nếu không đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở Tờ trình và văn bản UBND tỉnh từ chối đề trình UBND tỉnh.  | Lãnh đạo Phòng HCTP&B TTP | 02 ngày làm việc  |
|               | Lãnh đạo Sở ký văn bản lấy ý kiến và Văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh.  | Lãnh đạo Sở               | 1.5 ngày làm việc |
|               | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh</b>   |                           |                   |
|               | Quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi; trường hợp từ chối thì trả lời cho người nhận con nuôi bằng văn bản và nêu rõ lý do.   | Ủy ban nhân dân tỉnh      | 15 ngày làm việc  |
|               | <b>Sở Tư pháp</b>   |                           |                   |
| <b>Bước 3</b> | <p>Tiếp nhận Quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi từ UBND tỉnh, tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, tổ chức lễ giao nhận con nuôi với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, người được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ cơ sở nuôi dưỡng hoặc cha mẹ đẻ, người giám hộ đối với người được xin nhận làm con nuôi từ gia đình và gửi quyết định cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi không đến nhận con nuôi mà không có lý do chính đáng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hủy quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi.</p> <p>- Trường hợp từ chối thì Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận văn bản từ Sở Tư pháp và trả kết quả cho người dân</p> | Sở Tư pháp                | 01 ngày làm việc  |
|               | * Lưu ý: Trong trường hợp cá nhân không gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính   |                           |                   |

|  |   |
|--|---|
|  | <p>công ích, thời hạn giải quyết được tính vào ngày làm việc của Sở Tư pháp.</p> <p><b>* Sơ đồ quy trình</b></p> <p>Tổng thời gian giải quyết 50 ngày làm việc trong đó UBND tỉnh 15 ngày làm việc, 15 ngày chờ người có liên quan thay đổi ý kiến</p> <p><b>Tổ chức Cá nhân</b> → <b>Bưu điện</b> → <b>Trung tâm Phục vụ hành chính công</b> (01 ngày làm việc)</p> <p>1 → <b>Chuyên viên Phòng HC&amp;BTTP</b> (Kiểm tra hồ sơ, 30 ngày làm việc)</p> <p>2 → <b>Lãnh đạo Phòng HC&amp;BTTP</b> (thẩm định hồ sơ, 02 ngày làm việc)</p> <p>3 → <b>Lãnh đạo Sở Tư pháp</b> (ký duyệt/Trình hồ sơ, 01 ngày làm việc)</p> <p>4 → <b>UBND tỉnh</b> (15 ngày làm việc)</p> <p>5 → <b>Văn phòng Sở Tư pháp</b> (01 ngày làm việc)</p> <p>6 → <b>Trung tâm Phục vụ hành chính công</b></p> <p>↑ Trả lại hồ sơ khi không đạt yêu cầu</p> |
| <p><b>2. Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (bao gồm bưu điện: tỉnh, huyện, xã) hoặc nộp trực tuyến.</p> <p>Nhận kết quả trực tiếp</p>   |
| <p><b>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p><b>Hồ sơ của người nhận con nuôi :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (trừ trường hợp cha đẻ/người nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm</li> </ul>  |

|                                       |  |
|---------------------------------------|--|
|                                       | <p><i>con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (<i>trừ trường hợp cha đẻ/người được giới thiệu làm con nuôi của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).</i></li> </ul> <p><b>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.</li> </ul> <p><i>* Lưu ý:</i></p> <p><i>Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người nhận con nuôi/người được giới thiệu làm con nuôi khi đề nghị UBND cấp xã cấp Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế hoặc khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</i></p> <p><i>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i></p> <p><i>b) Số lượng hồ sơ : 01 bộ.</i></p> |
| <p><b>4. Thời hạn giải quyết:</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> <li>- Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> </ul>  |
| <p><b>5. Đối tượng thực</b></p>       | <p>Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.</p>   |

|   |   |
|---|---|
| <b>hiện<br/>TTHC:</b>                         |   |
| <b>6. Cơ quan thực hiện TTHC:</b>             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan trực tiếp nhận hồ sơ: Sở Tư pháp (Nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi).</li> <li>- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh (Nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi).</li> </ul>  |
| <b>7. Kết quả thực hiện TTHC:</b>             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Mã tài liệu:</b> KQ.G15.000004</li> <li>- <b>Tên kết quả:</b> Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài</li> </ul>  |
| <b>8. Phí, lệ phí:</b>                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 4.500.000đ /01 trường hợp</li> <li>- Tổ chức/cá nhân có thể thanh toán lệ phí bằng các hình thức:<br/>+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì nộp tại quầy thu phí của Trung tâm phục vụ hành chính công<br/>+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh và thanh toán vào tài khoản ngân hàng của Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh số tài khoản: <b>1014235489</b>.</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> Ghi rõ nội dung chuyển khoản “thanh toán lệ phí thực hiện hồ sơ giải quyết người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi”, mã biên nhận hồ sơ.</p> |
| <b>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi trong nước (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</li> <li>- Biểu mẫu điện tử tương tác Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến và người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.</li> </ul>   |
| <b>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b> | <p>Luật Nuôi con nuôi</p> <p>1. Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</li> <li>b) Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;</li> <li>c) Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;</li> <li>d) Có tư cách đạo đức tốt.</li> </ol> <p>2. Những người sau đây không được nhận con nuôi:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;</li> <li>b) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;</li> <li>c) Đang chấp hành hình phạt tù;</li> </ol>   |

|  |   |
|--|---|
|  | <p>d) Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thanh niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.</p> <p>3. Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.</p> <p>* Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau:</p> <p>+ Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;</p> <p>+ Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ, chồng.</p>   |
| <p><b>11. Căn cứ pháp lý của TTHC:</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- <i>Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</i></li> </ul> |
| <p><b>* Ghi chú:</b></p>                   |   |
| <p>Thành phần hồ sơ lưu</p>                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ TTHC quy định;</li> <li>- Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc.</li> </ul>   |

|                          |   |
|--------------------------|---|
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp, thời gian lưu 1 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Sở, lưu trữ theo quy định hiện hành.                   |
| <i>Kết quả</i>           | <i>- Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.<br/>- Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Sở Tư pháp.</i> |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Ông),  
kích cỡ 4x6 cm

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Bà),  
kích cỡ 4x6 cm

**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC**

Kính gửi:.....<sup>10</sup>

**1. Phần khai về người nhận con nuôi**

|  | <b>Ông</b> | <b>Bà</b> |
|--|------------|-----------|
| Họ, chữ đệm, tên                                       |            |           |
| Ngày, tháng, năm sinh                                  |            |           |
| Quốc tịch  |            |           |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân <sup>11</sup> |            |           |
| Nơi cư trú   |            |           |
| Điện thoại/Thư điện tử                                 |            |           |

**2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi**

Họ, chữ đệm, tên: .....Giới tính: .....

<sup>10</sup> Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp.

<sup>11</sup> Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

Ngày, tháng, năm sinh: .....Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh: .....

Nơi cư trú:.....

.....

Thuộc đối tượng<sup>12</sup>: .....

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên: .....

Nơi cư trú:.....

.....

Điện thoại/Thư điện tử: .....

Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng: .....

.....

### 3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú<sup>13</sup>.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại ....., ngày..... tháng ..... năm.....

**ÔNG**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

**BÀ**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

<sup>12</sup> Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

<sup>13</sup> Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.



**NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC GIẢI QUYẾT VIỆC NGƯỜI  
NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ Ở VIỆT NAM NHẬN TRẺ EM VIỆT  
NAM LÀM CON NUÔI**

**I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)**

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Hộ chiếu;
- (5) Nơi thường trú;
- (6) Điện thoại/thư điện tử;

**II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)**

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Hộ chiếu;
- (11) Nơi thường trú;
- (12) Điện thoại/thư điện tử;

**III. Thông tin về người được nhận làm con nuôi**

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Giới tính;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

\* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

\* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

\* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (bản chính) trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở,  
ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

|  | <b>Ông</b> | <b>Bà</b> |
|--|------------|-----------|
| Họ, chữ đệm, tên                                       |            |           |
| Ngày, tháng, năm sinh                                  |            |           |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân <sup>14</sup> |            |           |
| Nơi cư trú   |            |           |

**II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**1. Tình trạng hôn nhân, gia đình**

Chưa kết hôn     Kết hôn     Ly hôn     Chồng/vợ đã chết

Chưa có con đẻ

Đã có con đẻ     Đã có con nuôi    Nêu rõ số lượng con: .....

Thành viên khác sống cùng:

- Nêu số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi: .....

- Nêu rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:

.....  
.....

- Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

Đã được thông báo về việc nhận con nuôi

Chưa biết về việc nhận con nuôi

Ủng hộ việc nhận con nuôi     Không ủng hộ việc nhận con nuôi

Ý kiến khác: .....

<sup>14</sup> Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

### III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

#### 1. Nhà ở

Diện tích: .....

Nhà thuộc sở hữu                       Nhà thuê                       Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

Có

Không

#### 2. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì): .....

- Thu nhập:

Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)

Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)

Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)

Các nguồn thu nhập khác.....(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

#### 3. Các tài sản khác (nếu có, ghi cụ thể):

.....  
 .....

Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi:  Có                       Không

Làm tại....., ngày..... tháng.....năm.....

**Người nhận con nuôi**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

### IV. PHÀN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ

#### 1. Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi<sup>15</sup>:

.....  
 .....  
 .....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

<sup>15</sup> Không áp dụng cho việc đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

**2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi<sup>16</sup>**

.....  
 .....  
 .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người nhận con nuôi cư trú<sup>17</sup>**

**Người đánh giá**  
 (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà  
 ..... là người đã  
 tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia  
 đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của  
 người nhận con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
 (Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)  
**Họ và tên**

<sup>16</sup> Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì viên chức lãnh sự/ngoại giao thực hiện việc đánh giá

<sup>17</sup> Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.

|                               |  |   |                            |
|-------------------------------|--|---|----------------------------|
| <b>Quy trình 05:</b>          | <b>Cấp Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi.</b> (Mã TTHC: 2.002349; trực tuyến toàn trình)   |   |                            |
| <b>1. Trình tự thực hiện:</b> | <p>- Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp theo một trong số các phương thức sau:</p> <p>+ Nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại <b>1900561563</b> để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu.</p> <p>+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.</p> <p>- Ngoài 02 hình thức trên, tổ chức có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p><b>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:</b> Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).</p> |   |                            |
|                               | <b>Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:</b>   |   |                            |
|                               | <b>STT</b>   | <b>Nội dung công việc</b>                                   | <b>Trách nhiệm</b>         |
| <b>Bước 1</b>                 | <b>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</b>  |   |                            |
|                               | <p>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ được cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.</p> <p>+ Hồ sơ được nhân viên bưu điện nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp và hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho Sở Tư pháp thẩm định, giải quyết.</p>  | <p>Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p> | <p>Ngay khi nhận hồ sơ</p> |
| <b>Bước 2</b>                 | <b>Sở Tư pháp</b>  |   |                            |
|                               | <p>Kiểm tra lại tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ, soạn thảo văn bản xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em nước láng giềng làm con nuôi.</p>  | <p>Chuyên viên Phòng HCTP&amp;BT TP</p>                     | <p>Trong ngày</p>          |

|  |   |  |                       |
|--|---|--|-----------------------|
|  | Xem xét hồ sơ và văn bản xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em nước làng giềng làm con nuôi trình lãnh đạo Sở  | Lãnh đạo Phòng HCTP&BT TP                            | Trong ngày            |
|  | Lãnh đạo Sở ký văn bản xác nhận đủ điều kiện.   | Lãnh đạo Sở  | Trong ngày            |
|  | Sau khi có kết quả giải quyết, Sở Tư pháp chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để nhân viên bưu điện chuyển cho Trung tâm.   | Công chức STP  | Trong ngày            |
|  | <b>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</b>   |  |                       |
| <b>Bước 3</b>  | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu. | Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Ngay khi nhận kết quả |
| * Lưu ý: Trong trường hợp cá nhân không gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích, thời hạn giải quyết được tính vào ngày làm việc của Sở Tư pháp   |   |  |                       |
| * Sơ đồ quy trình  |   |  |                       |
| <pre> graph TD     A((Cá nhân)) --&gt; B[Trung Tâm Phục vụ hành chính công<br/>Chuyển ngay khi nhận hồ sơ]     B --&gt; C[Chuyên viên Phòng HC&amp;BTTP<br/>Kiểm tra hồ sơ<br/>Trong ngày làm việc]     C --&gt; D[Lãnh đạo Phòng HC&amp;BTTP<br/>thẩm định hồ sơ<br/>Trong ngày làm việc]     D --&gt; E[Lãnh đạo Sở Tư pháp<br/>ký duyệt hồ sơ<br/>Trong ngày làm việc]     E --&gt; B     B --&gt; F[Bưu điện]     F --&gt; A     B -.-&gt; G[Trả lại hồ sơ khi không đạt yêu cầu]   </pre> |   |  |                       |

|                                       |  |
|---------------------------------------|--|
| <b>2. Cách thức thực hiện:</b>        | Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc gửi tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (bao gồm bưu điện: tỉnh, huyện, xã) hoặc nộp trực tuyến.   |
| <b>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp;</li> <li>- Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật nước láng giềng.</li> </ul> <p><i>Lưu ý:</i></p> <p><i>Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người nhận con nuôi khi đề nghị UBND cấp xã lập Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế hoặc khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</i></p> <p><i>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i></p> <p><b>b) Số lượng hồ sơ :</b> 01 bộ.</p> |
| <b>4. Thời hạn giải quyết:</b>        | Trong ngày làm việc. Nếu nhận sau 15 giờ thì hẹn trả kết quả vào ngày hôm sau.   |
| <b>5. Đối tượng thực hiện TTHC:</b>   | Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi.  |
| <b>6. Cơ quan thực hiện TTHC:</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan trực tiếp nhận hồ sơ: Sở Tư pháp.</li> <li>- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Tư pháp.</li> </ul>   |

|  |   |
|--|---|
| <p><b>7. Kết quả thực hiện TTHC:</b></p>             | <p>- <b>Mã tài liệu:</b> KQ.G15.000005<br/> - <b>Tên kết quả:</b> Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi.</p>  |
| <p><b>8. Phí, lệ phí:</b></p>                        | <p>Không có.</p>  |
| <p><b>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b></p>           | <p>- Đơn xin nhận con nuôi trong nước (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);<br/> - Biểu mẫu điện tử tương tác Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến và người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);<br/> - Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.</p>   |
| <p><b>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b></p> | <p>Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:<br/> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br/> - Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;<br/> - Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;<br/> - Có tư cách đạo đức tốt.<br/> - Các điều kiện theo quy định pháp luật của nước láng giềng.<br/> Các trường hợp không được nhận con nuôi<br/> - Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;<br/> - Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;<br/> - Đang chấp hành hình phạt tù;<br/> - Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.</p> |
| <p><b>11. Căn cứ pháp lý của TTHC:</b></p>           | <p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;<br/> - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;<br/> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành</p>  |



|                          |   |
|--------------------------|---|
|                          | <p><i>chính, cung cấp dịch vụ công;</i></p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> |
| <b>* Ghi chú:</b>        |   |
| Thành phần hồ sơ lưu     | <p>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định;</p> <p>- Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính;</p> <p>- Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc.</p>   |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng Hành chính tư pháp và Bộ trợ tư pháp, thời gian lưu 1 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Sở, lưu trữ theo quy định hiện hành.   |
| Kết quả                  | <p>- Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.</p> <p>- Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p>  |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Ông),  
kích cỡ 4x6 cm

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Bà),  
kích cỡ 4x6 cm

**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC**

Kính gửi:.....<sup>18</sup>

**3. Phần khai về người nhận con nuôi**

|  | <b>Ông</b> | <b>Bà</b> |
|--|------------|-----------|
| Họ, chữ đệm, tên                                       |            |           |
| Ngày, tháng, năm sinh                                  |            |           |
| Quốc tịch  |            |           |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân <sup>19</sup> |            |           |
| Nơi cư trú   |            |           |
| Điện thoại/Thư điện tử                                 |            |           |

**4. Phần khai về người được nhận làm con nuôi**

Họ, chữ đệm, tên: .....Giới tính: .....

<sup>18</sup> Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp.

<sup>19</sup> Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: .....

Nơi sinh: .....

Nơi cư trú: .....

Thuộc đối tượng<sup>20</sup>: .....

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên: .....

Nơi cư trú: .....

Điện thoại/Thư điện tử: .....

Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng: .....

### 3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú<sup>21</sup>.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại ....., ngày..... tháng ..... năm.....

**ÔNG**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

**BÀ**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

<sup>20</sup> Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

<sup>21</sup> Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

**NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC GIẢI QUYẾT VIỆC NGƯỜI  
NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ Ở VIỆT NAM NHẬN TRẺ EM VIỆT  
NAM LÀM CON NUÔI**

**IV. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)**

- (19) Họ, chữ đệm, tên;
- (20) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (21) Quốc tịch;
- (22) Số Hộ chiếu;
- (23) Nơi thường trú;
- (24) Điện thoại/thư điện tử;

**V. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)**

- (25) Họ, chữ đệm, tên;
- (26) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (27) Quốc tịch;
- (28) Số Hộ chiếu;
- (29) Nơi thường trú;
- (30) Điện thoại/thư điện tử;

**VI. Thông tin về người được nhận làm con nuôi**

- (31) Họ, chữ đệm, tên;
- (32) Giới tính;
- (33) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (34) Quốc tịch;
- (35) Số định danh cá nhân;
- (36) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

\* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

\* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

\* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (bản chính) trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở,  
ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

|  | <b>Ông</b> | <b>Bà</b> |
|--|------------|-----------|
| Họ, chữ đệm, tên                                       |            |           |
| Ngày, tháng, năm sinh                                  |            |           |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân <sup>22</sup> |            |           |
| Nơi cư trú   |            |           |

**II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**1. Tình trạng hôn nhân, gia đình**

Chưa kết hôn     Kết hôn     Ly hôn     Chồng/vợ đã chết

Chưa có con đẻ

Đã có con đẻ     Đã có con nuôi    Nêu rõ số lượng con: .....

Thành viên khác sống cùng:

- Nêu số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi: .....

- Nêu rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:  
.....  
.....

- Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

Đã được thông báo về việc nhận con nuôi

Chưa biết về việc nhận con nuôi

Ủng hộ việc nhận con nuôi     Không ủng hộ việc nhận con nuôi

Ý kiến khác: .....

<sup>22</sup> Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

### III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

#### 1. Nhà ở

Diện tích: .....

Nhà thuộc sở hữu                       Nhà thuê                       Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

Có

Không

#### 2. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì): .....

- Thu nhập:

Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)

Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)

Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)

Các nguồn thu nhập khác.....(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

#### 3. Các tài sản khác (nếu có, ghi cụ thể):

.....  
.....

Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi:  Có                       Không

Làm tại....., ngày..... tháng.....năm.....

**Người nhận con nuôi**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

### IV. PHÀN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ

#### 1. Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi<sup>23</sup>:

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

<sup>23</sup> Không áp dụng cho việc đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

**2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi<sup>24</sup>**

.....  
 .....  
 .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người nhận con nuôi cư trú<sup>25</sup>**

**Người đánh giá**  
 (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà  
 ..... là người đã  
 tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia  
 đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của  
 người nhận con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
 (Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)  
**Họ và tên**

<sup>24</sup> Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì viên chức lãnh sự/ngoại giao thực hiện việc đánh giá

<sup>25</sup> Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

|                               |  |  |                     |
|-------------------------------|--|--|---------------------|
| <b>Quy trình 01:</b>          | <b>Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.</b><br>(Mã TTHC: 2.002363; trực tuyến toàn trình)  |  |                     |
| <b>1. Trình tự thực hiện:</b> | <p>- Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p>- Trường hợp cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.</p> <p>- Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></li> <li>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></li> <li>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</li> <li>+ Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</li> </ul> <p>Đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền.</p> <p>Người có yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trực tuyến cung cấp thông tin theo Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p> <p><b>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:</b> Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (trừ ngày lễ, ngày nghỉ)</p> |  |                     |
|                               | <b>Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:</b>   |  |                     |
|                               | <b>STT</b>   | <b>Nội dung công việc</b>                  | <b>Trách nhiệm</b>  |
| <b>Bước 1</b>                 | <b>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</b>  |  |                     |
|                               | <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu</p>   | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện | Ngay khi nhận hồ sơ |



|                   |   |  |   |
|-------------------|---|--|---|
|                   | <p>người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến); chuyển hồ sơ để công chức làm công tác nuôi con nuôi xử lý.</p> <p>- Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i).</p> <p>(ii) Trường hợp người có yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.</p> |  |   |
|                   | <p style="text-align: center;"><b>Phòng Tư pháp</b></p> <p>- Công chức làm công tác nuôi con nuôi thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh</p>  | <p style="text-align: center;">Phòng<br/>Tư pháp</p> | <p>Ngay khi tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.<br/>Trường hợp cần xác minh thì cộng thêm 03</p> |
| <b>Bước<br/>2</b> |   |  |   |

|  |  |  |                |
|--|--|--|----------------|
|  | <p>làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác nuôi con nuôi lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đủ điều kiện, phù hợp quy định pháp luật, trường hợp tiếp nhận hồ sơ ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo hình thức trực tiếp, thì công chức làm công tác nuôi con nuôi thực hiện việc ghi nội dung ghi chú vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, cập nhật thông tin ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo hình thức trực tuyến, công chức làm công tác nuôi con nuôi gửi lại biểu mẫu Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài điện tử cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin</p> |  | ngày làm việc. |
|--|--|--|----------------|

|   |  |  |                                 |
|---|--|--|---------------------------------|
|   | <p>đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức làm công tác nuôi con nuôi thực hiện việc ghi nội dung ghi chú vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, cập nhật thông tin ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>- Công chức làm công tác nuôi con nuôi in Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, trình lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo UBND ký, chuyển tới Bộ phận một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu.</p> |  |                                 |
| <b>Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện</b>   |  |  |                                 |
|   | Lãnh đạo UBND cấp huyện  | <p>Ngày khi nhận hồ sơ trình của Phòng Tư pháp</p> |                                 |
| <b>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</b>   |  |  |                                 |
| <b>Bước 3</b>   | Tiếp nhận kết quả giải quyết cho người nộp hồ sơ.  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện         | <p>Ngày sau khi lãnh đạo ký</p> |
| <p>* Lưu ý: Trong trường hợp cá nhân không gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích, thời hạn giải quyết được tính vào ngày làm việc của UBND cấp huyện</p>   |  |  |                                 |
| <p>* <b>Sơ đồ quy trình</b></p> <pre> graph TD     A(Cá nhân) --&gt; B(Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)     B --&gt; C(Phòng Tư pháp thẩm định hồ sơ)     C --&gt; D(Lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt hồ sơ)     D --&gt; B     B --&gt; E(Bưu điện)     E --&gt; B     F(Trả lại hồ sơ khi không đạt yêu cầu) -.-&gt; B     G(Tổng thời gian giải quyết trong ngày làm việc) --- B   </pre> |  |  |                                 |

|  |   |
|--|---|
| <p><b>2. Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Người có yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến.</p>   |
| <p><b>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</li> <li>- Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</li> </ul> <p>Người có yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p> <p><b>Giấy tờ phải nộp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền việc ghi chú. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</li> <li>- Văn bản chứng nhận việc nuôi con nuôi đã được thực hiện phù hợp với điều ước quốc tế của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (trong trường hợp việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cùng là thành viên).</li> </ul> <p><b>Giấy tờ phải xuất trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</li> <li>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức</li> </ul> |

|                                |   |
|--------------------------------|---|
|                                | <p><i>trực tuyến).</i></p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p><i>Lưu ý đối với các giấy tờ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Đối với giấy tờ xuất trình, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</i></li> <li>+ <i>Người yêu cầu thực hiện thủ tục có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</i></li> <li>+ <i>Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký theo quy định của pháp luật hộ tịch và pháp luật nuôi con nuôi, không được yêu cầu người đăng ký nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch và pháp luật nuôi con nuôi không quy định phải nộp.</i></li> </ul> </li> <li>- <i>Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có tham quyền của nước ngoài trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có tham quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.</i></li> <li>+ <i>Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có tham quyền của nước ngoài trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</i></li> <li>+ <i>Trường hợp nhận kết quả (Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có tham quyền của nước ngoài) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có tham quyền của nước ngoài phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có tham quyền của nước ngoài theo quy định pháp luật hộ tịch và pháp luật nuôi con nuôi.</i></li> </ul> </li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.</p> |
| <b>4. Thời hạn giải quyết:</b> | <p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>   |

|   |  |
|---|--|
|   | Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.  |
| <b>5. Đối tượng thực hiện TTHC:</b>           | Cá nhân  |
| <b>6. Cơ quan thực hiện TTHC:</b>             | <b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam.<br><b>Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC:</b> <i>Phòng Tư pháp.</i>   |
| <b>7. Kết quả thực hiện TTHC:</b>             | <b>Mã tài liệu:</b> <i>KQ.G15.000281</i><br><b>Tên kết quả:</b> <i>Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (bản sao)</i>  |
| <b>8. Phí, lệ phí:</b>                        | - Phí, lệ phí ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: chưa quy định<br>- 8.000đ/bản sao Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài   |
| <b>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b>           | - Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi <i>theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</i><br>- Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)  |
| <b>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b> | Việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau hoặc giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi trong các trường hợp:<br>- Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cùng là thành viên;<br>Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định pháp luật của nước ngoài, trừ trường hợp vi phạm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.                                 |
| <b>11. Căn cứ pháp lý của TTHC:</b>           | - Luật Hộ tịch 2014;<br>Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;<br>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;<br>- <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ</i> |

|                          |  |
|--------------------------|--|
|                          | <p><i>quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></li> <li>- <i>Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận à người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</i></li> </ul> |
| <b>* Ghi chú</b>         |  |
| Thành phần hồ sơ lưu     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định;</li> <li>- Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính;</li> <li>- Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc.</li> </ul>   |
| Thời gian lưu và nơi lưu | <p>Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại Phòng Hành chính tư pháp và Bộ trợ tư pháp, thời gian lưu 1 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Sở, lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>   |
| <b>Kết quả</b>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.</li> <li>- Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc trả tại địa chỉ qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>   |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC NUÔI CON NUÔI**

Kính gửi:<sup>(1)</sup> .....

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:** .....

Nơi cư trú:<sup>(2)</sup> .....

Giấy tờ tùy thân:<sup>(3)</sup> .....

**Đề nghị cơ quan ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:** .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch: .....

Nơi cư trú: <sup>(2)</sup> .....

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: <sup>(3)</sup> .....

**Là con nuôi của:**

**Họ, chữ đệm, tên mẹ:** .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Nơi cư trú:<sup>(2)</sup> .....

**Họ, chữ đệm, tên cha:** .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Nơi cư trú:<sup>(2)</sup> .....

Theo<sup>(4)</sup> .....

..... số..... do<sup>(5)</sup> .....

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.



Làm tại: ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người yêu cầu**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao<sup>(6)</sup>: Có , Không

Số lượng:.....bản

.....

**Chú thích:**

- (1) Ghi rõ tên cơ quan thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi.
- (2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.
- (3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 00108912345 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).
- (4) Ghi rõ tên giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.
- (5) Ghi rõ tên cơ quan nước ngoài đã giải quyết việc nuôi con nuôi.
- (6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC  
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC NUÔI CON NUÔI**

**I. Thông tin về người yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi**

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân : Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

**II. Thông tin về con nuôi**

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Giới tính;
- (8) Dân tộc;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số định danh cá nhân;
- (11) Giấy tờ tùy thân : Loại giấy tờ sử dụng (Giấy khai sinh/CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

**III. Thông tin về mẹ nuôi**

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Dân tộc;
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Giấy tờ tùy thân : Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

**IV. Thông tin về cha nuôi**

- (20) Họ, chữ đệm, tên;
- (21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (22) Dân tộc;
- (23) Quốc tịch;
- (24) Số định danh cá nhân;
- (25) Giấy tờ tùy thân i Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

**V. Thông tin về việc đăng ký nuôi con nuôi**

(27) Nơi đăng ký việc nuôi con nuôi tên cơ quan, tên quốc gia đã đăng ký;

(28) Giấy tờ chứng nhận việc nuôi con nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp (số, ngày, tháng, năm cấp);

(29) Đề nghị cấp bản sao

Có

Số lượng bản sao yêu cầu i ...

Không

(30) Phương thức nhận kết quả i

Trực tiếp

Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)

Bưu chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).

(31) Hồ sơ đính kèm theo quy định:

\* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

\* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

\* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

|                               |   |   |  |                                     |
|-------------------------------|---|---|--|-------------------------------------|
| <b>Quy trình 01:</b>          | <b>Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.</b><br>(Mã TTHC: 2.001263; trực tuyến một phần)   |   |  |                                     |
| <b>1. Trình tự thực hiện:</b> | <p>- Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện</p> <p>- Trường hợp cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.</p> <p>- Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến tại các địa chỉ:</p> <p>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p><b>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:</b> Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> |   |  |                                     |
|                               | <b>Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:</b>  |   |  |                                     |
|                               | <b>STT</b>  | <b>Nội dung công việc</b>   | <b>Trách nhiệm</b>                               | <b>Thời gian (30 ngày làm việc)</b> |
|                               | <b>Bước 1</b>   | <p style="text-align: center;"><b>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã</b></p> <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ: Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức tư pháp, hộ tịch.</p> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã | 0,5 ngày làm việc                   |
| <b>Bước 2</b>                 | <p style="text-align: center;"><b>Công chức Tư pháp – hộ tịch và Lãnh đạo UBND cấp xã</b></p> <p>Nghiên cứu hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến của những người có liên quan theo quy định: Khi kiểm tra hồ sơ, công chức tư pháp hộ tịch phải nghiên cứu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của những người liên quan. Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha mẹ đẻ, thì công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra việc cha mẹ đẻ có thỏa thuận với cha mẹ nuôi để giữ lại quyền, nghĩa vụ đối với con và cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó sau khi đã cho làm con nuôi.</p>   | Công chức Tư pháp – hộ tịch   | 9,5 ngày làm việc                                |                                     |

|               |   |   |                   |
|---------------|---|---|-------------------|
|               | <p>Khi lấy ý kiến của những người liên quan, công chức tư pháp hộ tịch phải:</p> <p>i) Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình;</p> <p>ii) Tư vấn đầy đủ cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác;</p> <p>iii) Giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi;</p> |   |                   |
|               | Chờ thời gian lấy ý kiến (những người được lấy ý kiến có quyền thay đổi ý kiến trong vòng 15 ngày)  |   | 15 ngày làm việc  |
|               | Trình Lãnh đạo xã Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.  | Công chức Tư pháp – hộ tịch   | 3.5 ngày làm việc |
|               | Xem xét ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi  | Lãnh đạo UBND xã  | 01 ngày làm việc  |
|               | <b>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã</b>  |   |                   |
| <b>Bước 3</b> | Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào sổ hộ tịch   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã, công chức Tư pháp hộ tịch UBND cấp xã | 0,5 ngày          |

|                                       |   |
|---------------------------------------|---|
|                                       | <p><b>* Sơ đồ quy trình:</b></p> <pre> graph TD     A[Cá nhân] --&gt; B[01 ngày làm việc<br/>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã]     B --&gt; C[28 ngày làm việc<br/>Công chức Tư pháp - Hộ tịch của UBND cấp xã thẩm định hồ sơ]     C --&gt; D[01 ngày làm việc<br/>Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ]     D --&gt; B     B --&gt; E[Bưu điện]     E --&gt; A     F[Tổng thời gian giải quyết 30 ngày làm việc] -.-&gt; B     G[Trả lại hồ sơ khi không đạt yêu cầu] -.-&gt; C   </pre>   |
| <p><b>2. Cách thức thực hiện:</b></p> | <p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã;<br/>Nhận kết quả trực tiếp.</p>   |
|                                       | <p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p><b>Hồ sơ của người nhận con nuôi :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi trong nước;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (<i>trừ trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi</i>);</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (<i>trừ trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi</i>);</li> <li>- Trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi: <i>Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi.</i></li> </ul> <p><b>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> </ul> |

|                                       |   |
|---------------------------------------|---|
|                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.</li> </ul> <p><i>Lưu ý:</i></p> <p><i>Trường hợp phải chứng minh nơi cư trú của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</i></p> <p><i>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</i></p> <p><i>Các trường hợp phải chứng minh nơi cư trú của công dân bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi người nhận con nuôi đề nghị UBND cấp xã cấp Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế;</li> <li>- Khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã, cần chứng minh nơi người được nhận làm con nuôi thường trú trong trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi;</li> </ul> <p>Khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã, cần chứng minh nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi trong trường hợp cha đẻ hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> |
| <p><b>4. Thời hạn giải quyết:</b></p> | <p>30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> <li>- Thời gian cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết thời hạn thay đổi ý kiến đồng ý</li> </ul>  |
| <p><b>5. Đối tượng</b></p>            | <p>Cá nhân</p>  |

|                                     |  |
|-------------------------------------|--|
| <b>Thực hiện TTHC:</b>              |  |
| <b>6. Cơ quan thực hiện TTHC:</b>   | <p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì UBND cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi;</li> <li>- Đối với trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú có thẩm quyền Quyết định;</li> <li>- Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyên vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi có thẩm quyền Quyết định.</li> <li>- Đối với trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng;</li> </ul> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>c) Cơ quan phối hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi và của người nhận con nuôi khác nhau, người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của mình).</li> <li>- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được nhận làm con nuôi là cha dượng/mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp nơi cư trú của người được nhận làm con nuôi và của người nhận con nuôi khác nhau, người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của mình).</li> </ul> |
| <b>7. Kết quả thực hiện TTHC:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã tài liệu: KQ.G15.000002</li> <li>- Tên kết quả: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước</li> </ul>  |
| <b>8. Phí, lệ phí:</b>              | <p>400.000 đồng/trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>   |
| <b>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi trong nước (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</li> <li>- Biểu mẫu điện tử tương tác Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dân trên Cổng dịch vụ công, nếu TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến và người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế</li> </ul>  |



|  |  |
|--|--|
|  | <p><i>của người nhận con nuôi;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi: <i>Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi.</i></li> </ul>   |
| <p><b>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b></p> | <p><b>Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</li> <li>- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;</li> <li>- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;</li> <li>- Có tư cách đạo đức tốt.</li> </ul> <p><b>Các trường hợp không được nhận con nuôi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;</li> <li>- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;</li> <li>- Đang chấp hành hình phạt tù;</li> <li>- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.</li> </ul> <p><b>Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ các điều kiện sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Là trẻ em dưới 16 tuổi; nếu trẻ em thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi thì đến dưới 18 tuổi;</li> <li>+ Trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa;</li> <li>+ Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.</li> </ul> |
| <p><b>11. Căn cứ pháp lý của TTHC:</b></p>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp</i></li> </ul>   |

|                          |  |
|--------------------------|--|
|                          | <p><i>dịch vụ công;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</li> </ul> <p>Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> |
| <b>*Ghi chú:</b>         |  |
| Thành phần hồ sơ lưu     | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định;  |
|                          | Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính;   |
|                          | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;   |
|                          | Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc.  |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu vĩnh viễn tại UBND cấp xã.   |
| Kết quả                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.</i></li> <li>- <i>Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã (nhận kết quả trực tiếp).</i></li> </ul>   |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Ông),  
kích cỡ 4x6 cm

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Bà),  
kích cỡ 4x6 cm

**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC**

Kính gửi:.....<sup>26</sup>

**1. Phần khai về người nhận con nuôi**

|  | <b>Ông</b> | <b>Bà</b> |
|--|------------|-----------|
| Họ, chữ đệm, tên                                       |            |           |
| Ngày, tháng, năm sinh                                  |            |           |
| Quốc tịch  |            |           |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân <sup>27</sup> |            |           |
| Nơi cư trú   |            |           |
| Điện thoại/Thư điện tử                                 |            |           |

**2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi**

Họ, chữ đệm, tên: .....Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh: .....

<sup>26</sup> Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp.

<sup>27</sup> Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

Nơi cư trú:.....  
 .....

Thuộc đối tượng<sup>28</sup>: .....

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên: .....

Nơi cư trú:.....

Điện thoại/Thư điện tử: .....

Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng: .....

### 3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú<sup>29</sup>.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại ....., ngày..... tháng ..... năm.....

**ÔNG**

**BÀ**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

<sup>28</sup> Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

<sup>29</sup> Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

## NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC

### **I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)**

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (5) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (6) Điện thoại/thư điện tử;

### **II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)**

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (11) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (12) Điện thoại/thư điện tử;

### **III. Thông tin về người được nhận làm con nuôi**

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Giới tính;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

\* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

\* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

\* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

\* Bản điện tử sẽ được tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ/thiết bị số/điện thoại của cha, mẹ nuôi sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nuôi con nuôi.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở,  
ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

|  | <b>Ông</b> | <b>Bà</b> |
|--|------------|-----------|
| Họ, chữ đệm, tên                                       |            |           |
| Ngày, tháng, năm sinh                                  |            |           |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân <sup>30</sup> |            |           |
| Nơi cư trú   |            |           |

**II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**1. Tình trạng hôn nhân, gia đình**

Chưa kết hôn     Kết hôn     Ly hôn     Chồng/vợ đã chết

Chưa có con đẻ

Đã có con đẻ     Đã có con nuôi    Nói rõ số lượng con: .....

Thành viên khác sống cùng:

- Nói số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi: .....

- Nói rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:  
.....  
.....

- Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

Đã được thông báo về việc nhận con nuôi

Chưa biết về việc nhận con nuôi

Ủng hộ việc nhận con nuôi     Không ủng hộ việc nhận con nuôi

Ý kiến khác: .....

<sup>30</sup> Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

### III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

#### 1. Nhà ở

Diện tích: .....

Nhà thuộc sở hữu                       Nhà thuê                       Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

Có

Không

#### 2. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì): .....

- Thu nhập:

Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)

Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)

Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)

Các nguồn thu nhập khác.....(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

#### 3. Các tài sản khác (nếu có, ghi cụ thể):

.....  
 .....

Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi:  Có                       Không

Làm tại....., ngày..... tháng.....năm.....

**Người nhận con nuôi**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

### IV. PHÀN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ

#### 1. Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi<sup>31</sup>:

.....  
 .....  
 .....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

<sup>31</sup> Không áp dụng cho việc đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

**2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi<sup>32</sup>**

.....  
 .....  
 .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người nhận con nuôi cư trú<sup>33</sup>**

**Người đánh giá**  
*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà  
 ..... là người đã  
 tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia  
 đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của  
 người nhận con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
 (Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)  
**Họ và tên**

<sup>32</sup> Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì viên chức lãnh sự/ngoại giao thực hiện việc đánh giá

<sup>33</sup> Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHU CẦU NHẬN TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố<sup>34</sup> .....

**I. Thông tin cơ bản về người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi**

|  | <b>Ông</b> | <b>Bà</b> |
|--|------------|-----------|
| Họ, chữ đệm, tên                                       |            |           |
| Ngày, tháng, năm sinh                                  |            |           |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân <sup>35</sup> |            |           |
| Nơi cư trú   |            |           |
| Điện thoại/Thư điện tử                                 |            |           |

**II. Hoàn cảnh bản thân, gia đình, chỗ ở và điều kiện kinh tế của người đăng ký nhu cầu**

**1. Tình trạng hôn nhân và gia đình**

- Chưa kết hôn                       Kết hôn                       Ly hôn                       Chồng/vợ đã chết  
 Chưa có con đẻ  
 Đã có con đẻ                       Đã có con nuôi

Nêu rõ số lượng con: .....

Độ tuổi của con lớn nhất:.....Độ tuổi của con nhỏ nhất:.....

**2. Tiền án, tiền sự**

- Không  
 Có (Ghi rõ đã bị kết án về tội gì.....)

**3. Tình trạng chỗ ở**

Diện tích: .....

<sup>34</sup> Ghi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký thường trú.

<sup>35</sup> Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

- Nhà thuộc sở hữu                       Nhà thuê                       Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

- Có  
 Không

#### 4. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì):.....

- Thu nhập:

- Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)
- Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)
- Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)
- Các nguồn thu nhập khác.....(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và việc nhận con nuôi không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi. Nếu được giới thiệu trẻ em cần được nhận làm con nuôi, chúng tôi/tôi sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Đề nghị Sở Tư pháp xem xét, giải quyết./

Làm tại....., ngày .....tháng ..... năm.....

**ÔNG**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

**BÀ**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

### III. Xác nhận của Sở Tư pháp

Sở Tư pháp.....<sup>36</sup>xác nhận đã tiếp nhận Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi của Ông/Bà.....<sup>37</sup>

....., ngày .....tháng ..... năm.....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

**Họ và tên**

<sup>36</sup> Ghi rõ tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

<sup>37</sup> Sở Tư pháp gửi bản chụp Đơn đã được xác nhận cho người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi.

|  |   |  |                          |                                     |
|--|---|--|--------------------------|-------------------------------------|
| <b>Quy trình 02:</b>   | <b>Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước.</b><br>(Mã TTHC: 2.001255; trực tuyến một phần)   |  |                          |                                     |
| <b>1. Trình tự thực hiện:</b>  | <p>- Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.</p> <p>- Trường hợp cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.</p> <p>- Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></li> <li>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></li> <li>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</li> <li>+ Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</li> </ul> <p><b>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:</b> Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> |  |                          |                                     |
|  | <b>Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:</b>  |  |                          |                                     |
|  | <b>STT</b>  | <b>Nội dung công việc</b>                      | <b>Trách nhiệm</b>       | <b>Thời gian (05 ngày làm việc)</b> |
|  | <b>Bước 1</b>   | <b>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã</b> |                          |                                     |
| <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ: Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ, chuyển hồ sơ cho Công chức Tư pháp - hộ tịch. Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định. Không để cá nhân phải đi lại bổ sung hồ sơ quá 01 lần cho một vụ việc.</p> |   | <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã</p> | <p>0,5 ngày làm việc</p> |                                     |
| <b>Bước 2</b>  | <b>Công chức Tư pháp – hộ tịch và Lãnh đạo UBND cấp xã</b>  |  |                          |                                     |
|  | <p>Nghiên cứu hồ sơ, trình lãnh đạo UBND ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.</p>  | <p>Công chức Tư pháp – hộ tịch</p>             | <p>03 ngày làm việc</p>  |                                     |
|  | <p>Xem xét ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi</p>   | <p>Lãnh đạo UBND cấp xã</p>                    | <p>01 ngày làm việc</p>  |                                     |

| <b>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã</b>   |  |   |          |
|--|--|---|----------|
| <b>Bước 3</b>  | Trả kết quả  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã | 0,5 ngày |
| <p><b>* Sơ đồ quy trình:</b></p> <pre> graph TD     A[Cá nhân] --&gt; B[Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã<br/>01 ngày làm việc]     A --&gt; C[Bưu điện]     C --&gt; B     B --&gt; D[Công chức Tư pháp - Hộ tịch của UBND cấp xã thẩm định hồ sơ<br/>03 ngày làm việc]     D --&gt; E[Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ<br/>01 ngày làm việc<br/>Trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã]     E --&gt; B     D --&gt; F[Trả lại hồ sơ khi không đạt yêu cầu]     F --&gt; B     </pre> <p><b>Tổng thời gian giải quyết</b><br/>05 ngày làm việc</p> <p><b>Cá nhân</b></p> <p><b>Bưu điện</b></p> <p><b>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã</b><br/>01 ngày làm việc</p> <p><b>Công chức Tư pháp - Hộ tịch của UBND cấp xã thẩm định hồ sơ</b><br/>03 ngày làm việc</p> <p><b>Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ</b><br/>01 ngày làm việc<br/>Trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã</p> <p>Trả lại hồ sơ khi không đạt yêu cầu</p> |  |   |          |
| <b>2. Cách thức thực hiện:</b>   | <p>Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp xã hoặc nộp trực tuyến.</p> <p><i>* Lưu ý: Khi nộp hồ sơ, trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của cha mẹ nuôi và con nuôi, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</i></p> <p><i>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nộp hồ sơ nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</i></p> |   |          |
| <b>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</b>  | <p><b>a) Thành phần hồ sơ</b></p> <p>Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. (Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng).</p> <p><b>b) Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>  |   |          |

|   |  |
|---|--|
| <b>4. Thời hạn giải quyết:</b>                | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn nói trên được kéo dài thêm không quá 05 ngày  |
| <b>5. Đối tượng thực hiện TTHC:</b>           | Cá nhân  |
| <b>6. Cơ quan thực hiện TTHC:</b>             | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây;<br>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây;   |
| <b>7. Kết quả thực hiện TTHC:</b>             | - <i>Mã tài liệu: KQ.G15.000002</i><br>- <i>Tên kết quả: Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi</i>  |
| <b>8. Phí, lệ phí:</b>                        | Không  |
| <b>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b>           | - <i>Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nu Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</i><br>- <i>Biểu mẫu điện tử tương tác Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến và người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).</i>   |
| <b>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b> | Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;<br>Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.  |
| <b>11. Căn cứ pháp lý của TTHC:</b>           | - Luật Nuôi con nuôi 2010;<br>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;<br>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;<br>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i><br>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;<br>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; |

|                          |  |
|--------------------------|--|
|                          | Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.         |
| <b>*Ghi chú:</b>         |  |
| Thành phần hồ sơ lưu     | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định;  |
|                          | Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính;   |
|                          | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;   |
|                          | Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc.  |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu vĩnh viễn tại UBND cấp xã.   |
| Kết quả                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.</li> <li>- Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã (nhận kết quả trực tiếp).</li> </ul> |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI**

Kính gửi<sup>38</sup>: .....

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu: .....

Nơi cư trú: .....

.....

Giấy tờ tùy thân<sup>39</sup>: .....

Đề nghị đăng ký lại việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:

**Họ, chữ đệm, tên:** ..... **Giới tính:** .....

**Ngày, tháng, năm sinh:** ..... **Quốc tịch:** .....

**Nơi sinh:** .....

**Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân<sup>2</sup>:** .....

**Nơi cư trú:** .....

.....

**Số định danh cá nhân:** .....

**Là con nuôi của:**

**Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:** .....

**Ngày, tháng, năm sinh:** ..... **Quốc tịch:** .....

**Giấy tờ tùy thân<sup>2</sup>:** .....

**Nơi cư trú:** .....

.....

**Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:**

**Ngày, tháng, năm sinh:** ..... **Quốc tịch:** .....

**Giấy tờ tùy thân<sup>2</sup>:** .....

**Nơi cư trú:** .....

.....

<sup>38</sup> Ghi rõ tên cơ quan thực hiện đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

<sup>39</sup> Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó (ví dụ: chứng minh nhân dân số 00108912345 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014).

.....  
 Đã đăng ký nuôi con nuôi tại<sup>40</sup>: .....

.....  
 Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số..... ngày ..... tháng ..... năm.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đầy đủ các giấy tờ hiện có. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

Làm tại ....., ngày .....tháng.....năm.....

**Người yêu cầu**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

**Xác nhận của người làm chứng thứ nhất**

Tôi tên là.....sinh năm .....

Giấy tờ tùy thân<sup>(2)</sup>: .....

.....  
 Cư trú tại:.....

.....  
 Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

Làm tại:....., ngày.....tháng..... năm.....  
 (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

**Xác nhận của người làm chứng thứ hai**

Tôi tên là.....sinh năm .....

Giấy tờ tùy thân<sup>(2)</sup>: .....

.....  
 Cư trú tại: .....

.....  
 Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

Làm tại:....., ngày.....tháng..... năm.....  
 (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

<sup>40</sup> Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước; ghi tên Sở Tư pháp nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.



## **NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC**

### **I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi**

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (3) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

### **II. Thông tin về người được đăng ký lại việc nuôi con nuôi**

- (4) Họ, chữ đệm, tên;
- (5) Giới tính;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (8) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

### **III. Thông tin về cha nuôi**

- (9) Họ, chữ đệm, tên;
- (10) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (11) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

### **IV. Thông tin về mẹ nuôi**

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (16) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

\* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

\* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

\* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã nơi đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

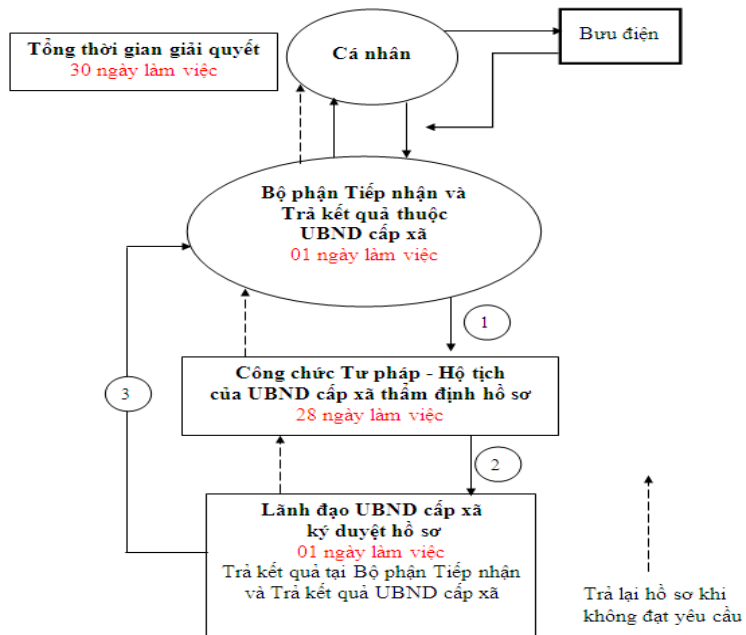
\* Bản điện tử sẽ được tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ/thiết bị số/điện thoại của cha, mẹ nuôi sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nuôi con nuôi.

|                               |  |   |                    |                                     |
|-------------------------------|--|---|--------------------|-------------------------------------|
| <b>Quy trình 03:</b>          | <b>Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.</b><br>(1.003005; trực tuyến một phần)   |   |                    |                                     |
| <b>1. Trình tự thực hiện:</b> | <p>- Cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900561563 để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.</p> <p>- Trường hợp cá nhân không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính thì có thể nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.</p> <p>- Ngoài 02 hình thức trên, cá nhân có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:</p> <p>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> <p>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ <a href="https://dichvucong.tayninh.gov.vn/">https://dichvucong.tayninh.gov.vn/</a></p> <p>+ Ứng dụng Tây Ninh Smart</p> <p>+ Cổng hành chính công tỉnh Tây Ninh trên mạng xã hội Zalo</p> <p><b>Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:</b> Thời gian tiếp nhận và trả kết quả từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> |   |                    |                                     |
|                               | <b>Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau:</b>   |   |                    |                                     |
|                               | <b>STT</b>   | <b>Nội dung công việc</b>               | <b>Trách nhiệm</b> | <b>Thời gian (30 ngày làm việc)</b> |
| <b>Bước 1</b>                 | <b>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã</b>   |   |                    |                                     |
|                               | <p>Công chức tiếp nhận hồ sơ: Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ; chuyển hồ sơ cho công chức Tư pháp - hộ tịch.</p> <p>Trường hợp hồ sơ còn thiếu so với quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định. Không để cá nhân phải đi lại bổ sung hồ sơ quá 01 lần cho một vụ việc.</p>  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã | 0,5 ngày làm việc  |                                     |
| <b>Bước 2</b>                 | <b>Công chức Tư pháp – hộ tịch và Lãnh đạo UBND cấp xã</b>   |   |                    |                                     |
|                               | <p>Nghiên cứu hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến của những người có liên quan theo quy định, trình Lãnh đạo UBND cấp xã văn bản xin ý kiến Sở Tư pháp.</p>  | Công chức Tư pháp – hộ tịch             | 14 ngày làm việc   |                                     |

|   |  |  |                          |
|---|--|--|--------------------------|
|   | <p>Khi kiểm tra hồ sơ, Công chức Tư pháp - hộ tịch phải nghiên cứu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của những người liên quan. Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha mẹ đẻ, thì công chức Tư pháp - hộ tịch kiểm tra việc cha mẹ đẻ có thỏa thuận với cha mẹ nuôi để giữ lại quyền, nghĩa vụ đối với con và cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó sau khi đã cho làm con nuôi.</p> |  |                          |
| <p>Khi lấy ý kiến của những người liên quan, Công chức Tư pháp - hộ tịch phải:</p> <p>i) Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình;</p> <p>ii) Tư vấn đầy đủ cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác;</p> <p>iii) Giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi;</p> |  |  |                          |
| <p>Xem xét ký Văn bản</p>   |  | <p>Lãnh đạo UBND cấp xã</p>                                      | <p>0.5 ngày làm việc</p> |
| <b>Sở Tư pháp</b>   |  |  |                          |
| <p>Sở Tư pháp có ý kiến</p>   | <p>Sở Tư pháp</p>  | <p>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của UBND xã</p> |                          |
| <b>Công chức Tư pháp – hộ tịch và Lãnh đạo UBND cấp xã</b>  |  |  |                          |

|               |  |   |                   |
|---------------|--|---|-------------------|
|               | Trình lãnh đạo xã ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi hoặc văn bản từ chối trong trường hợp Sở Tư pháp không đồng ý   | Công chức Tư pháp – hộ tịch             | 3.5 ngày làm việc |
|               | Xem xét ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi hoặc văn bản từ chối  | Lãnh đạo UBND cấp xã                    | 01 ngày làm việc  |
| <b>Bước 3</b> | <b>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã</b>   |   |                   |
|               | Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào sổ hộ tịch hoặc trả văn bản từ chối | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã | 0,5 ngày làm việc |

**\* Sơ đồ quy trình:**



|                                |   |
|--------------------------------|---|
| <b>2. Cách thức thực hiện:</b> | <p>Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p><i>*Lưu ý: Khi nộp hồ sơ, trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của trẻ em được nhận làm con nuôi, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</i></p> <p><i>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú của trẻ em được nhận làm con nuôi, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định</i></p> |
|--------------------------------|---|

|                                       |  |
|---------------------------------------|--|
|                                       | <i>danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i>  |
| <b>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ:</b></p> <p>* Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> </ul> <p>Tùy từng trường hợp cụ thể mà phải có các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi;</li> <li>- Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi;</li> <li>- Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.</li> </ul> <p>* Hồ sơ của người nhận con nuôi, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi (theo mẫu quy định);</li> <li>- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Phiếu Lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận về việc người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nước đó;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe ;</li> <li>- Hai ảnh mới nhất, chụp toàn thân, cỡ 9cm x 12cm hoặc 10cm x 15cm.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ:</b> 02 bộ</p> |
| <b>4. Thời hạn giải quyết:</b>        | <p>30 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan:</li> </ul> <p>15 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày</li> <li>- Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao - nhận con nuôi: 05 ngày</li> </ul>  |
| <b>5. Đối tượng thực hiện TTHC:</b>   | Cá nhân  |
| <b>6. Cơ quan thực hiện TTHC:</b>     | <p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND cấp xã nơi trẻ em được nhận làm con nuôi thường trú;</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã nơi trẻ em được nhận làm con nuôi thường trú;</p>  |

|   |  |
|---|--|
|   | c) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp  |
| <b>7. Kết quả thực hiện TTHC:</b>             | - Mã tài liệu: <i>KQ.G15.000002</i><br>- Tên kết quả: <i>Giấy chứng nhận nuôi con nuôi</i>   |
| <b>8. Phí, lệ phí:</b>                        | 4.500.000đồng/trường hợp   |
| <b>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b>           | Đơn xin nhận con nuôi trong nước   |
| <b>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b> | a) Người xin nhận con nuôi có đủ các điều kiện như sau:<br>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;<br>- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;<br>- Có tư cách đạo đức tốt;<br>- Đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nước láng giềng.<br>b) Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ các điều kiện sau:<br>- Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;<br>- Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.  |
| <b>11. Căn cứ pháp lý của TTHC:</b>           | - Luật Nuôi con nuôi 2010;<br>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;<br>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;<br>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 2 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i><br>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;<br>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;<br>Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban |

|                          |  |
|--------------------------|--|
|                          | hành, hướng dân việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.   |
| <b>* Ghi chú</b>         |  |
| Thành phần hồ sơ lưu     | Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định;  |
|                          | Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính;   |
|                          | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;   |
|                          | Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc.  |
| Thời gian lưu và nơi lưu | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu vĩnh viễn tại UBND cấp xã.   |
| Kết quả                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả điện tử được lưu trữ vào kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.</li> <li>- Kết quả bản giấy được trả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã (nhận kết quả trực tiếp).</li> </ul> |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Ông),  
kích cỡ 4x6 cm

Ảnh chân dung  
của người nhận  
con nuôi (Bà),  
kích cỡ 4x6 cm

**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC**

Kính gửi:.....<sup>41</sup>

**3. Phần khai về người nhận con nuôi**

|  | <b>Ông</b> | <b>Bà</b> |
|--|------------|-----------|
| Họ, chữ đệm, tên                                       |            |           |
| Ngày, tháng, năm sinh                                  |            |           |
| Quốc tịch  |            |           |
| Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân <sup>42</sup> |            |           |
| Nơi cư trú   |            |           |
| Điện thoại/Thư điện tử                                 |            |           |

**4. Phần khai về người được nhận làm con nuôi**

Họ, chữ đệm, tên: .....Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh: .....

<sup>41</sup> Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp.

<sup>42</sup> Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.



Nơi cư trú:.....  
 .....

Thuộc đối tượng<sup>43</sup>: .....

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên: .....

Nơi cư trú:.....

Điện thoại/Thư điện tử: .....

Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng: .....

### 3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú<sup>44</sup>.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại ....., ngày..... tháng ..... năm.....

**ÔNG**

**BÀ**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

<sup>43</sup> Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

<sup>44</sup> Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

## **NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC**

### **IV. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)**

- (19) Họ, chữ đệm, tên;
- (20) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (21) Quốc tịch;
- (22) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (23) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (24) Điện thoại/thư điện tử;

### **V. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)**

- (25) Họ, chữ đệm, tên;
- (26) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (27) Quốc tịch;
- (28) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (29) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (30) Điện thoại/thư điện tử;

### **VI. Thông tin về người được nhận làm con nuôi**

- (31) Họ, chữ đệm, tên;
- (32) Giới tính;
- (33) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (34) Quốc tịch;
- (35) Số định danh cá nhân;
- (36) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

\* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

\* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

\* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

\* Bản điện tử sẽ được tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ/thiết bị số/điện thoại của cha, mẹ nuôi sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nuôi con nuôi.